

*Le patriote est celui qui crée chaque jour.*

Le Corbusier

## 8. Chữ quốc ngữ

- 8.1 nguyên tắc cấu tạo
- 8.2 trữ lượng của chữ quốc ngữ
- 8.3 chữ quốc ngữ bị bỏ hoang
- 8.4 làm giàu Tiếng Việt
- 8.5 dấu giọng đặt ở đâu?
- 8.6 Người Việt phát âm Tiếng Việt
- 8.7 làm nghèo Tiếng Việt
- 8.8 vài dòng về chữ quốc ngữ
- 8.9 nếu không có chữ quốc ngữ

Chữ Việt ngày nay, gọi là **chữ quốc ngữ**, được sáng tạo từ Thế Kỷ 17, bởi các giáo sĩ Âu Châu đến truyền đạo Thiên Chúa La Mã tại Việt Nam. Suốt 200 năm phát triển, chữ quốc ngữ được hoàn thiện vào cuối Thế Kỷ 19, và được dùng cho đến ngày nay.

Chữ quốc ngữ được sáng tạo theo *nguyên tắc ghi âm*. Các giáo sĩ đã dùng các chữ cái La Tinh, và các dấu giọng của một số ngôn ngữ Âu Châu, để cấu tạo thành một thứ chữ mới, có thể ghi lại đầy đủ các âm thanh trong tiếng nói của Người Việt. Mỗi âm thanh của Tiếng Việt được ghi bằng một chữ chiết mà cách viết không thay đổi; do đó, chữ quốc ngữ là loại chữ *không biến dạng*. Tiếng Việt là ngôn ngữ *đơn âm*, và mỗi chữ chiết quốc ngữ được phát ra bằng một âm mà thôi. Xem *Chương 0*.

**Phụ Bản 8A**

**Bảng kê các âm gốc chuẩn (hiện dùng)**

## Phụ Bản 8A

## Bảng kê các âm gốc chuẩn (hiện dùng)

**Chữ đỏ** là âm gốc thiếu (chỉ dùng 2 dấu giọng) = 54

**Chữ đen** là âm gốc đủ (dùng đủ 5 dấu giọng) = 106

Cộng = 160 âm gốc chuẩn (hiện dùng)

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
		a	ă	â	c	ch	e	ê	i	m	n	ng	nh	o	ô	ơ	p	t	u	ư	y	Cộng
1	a	a			ac	ach			ai	am	an	ang	anh	ao			ap	at	au		ay	4 + 9
2	ă				ăc				ăm	ăn	ăng						ăp	ăt				3 + 3
3	â				âc				âm	ân	âng						âp	ât	âu		ây	3 + 5
4	e				ec		e		em	en	eng			eo			ep	et				3 + 5
5	ê				êch		ê		êm	ên		ênh					êp	êt	êu			3 + 5
6	i	ia			ich		iêc iêm iên iêng iêp iêt ieu	i	im	in		inh				ip	it	iu			6 + 10	
7	o	oa oac oach	oăc oăm oăñ	oăñ oăng oăt	oc	oe oec oen oeo oet		oi	om	on	ong		o			op	ot				10 + 18	
8	ô				ôc				ôi	ôm	ôn	ông		ô			ôp	ôt				3 + 5
9	ơ								ơi	ơm	ơn					ơ	ơp	ơt	ơu			2 + 5
10	ư	ua		uân uâng uât uây	uc		uê uêch uênh	ui	um	un	ung			uôc uôi uôm uôn uông uôt	uô uôi uôn uôn uông uôt	uô uôi uôn uôn uông uôt	uô uôi uôn uôn uông uôt	u	uy uya uch uêñ uêt uyn uynh uýt uyu	11 + 24		
11	ư	ưa			uc				ưí	ưm	ưn	ưng				ưôc ưôi ưôm ưôn ưông ưôt ưûu	ư	ưu	ư			5 + 12
12	y						yêm yên yêng yêt yêu												y		1 + 5	

## 8.1 Nguyên tắc cấu tạo

Chữ quốc ngữ có 29 chữ cái:

a ā â b c d đ e ê g h i k l m n o ô ơ p q r s t u ư v x y;

12 nguyên âm : a ā â e ê i o ô ơ u ư y;

17 phụ âm chỉc : b c d đ g h k l m n p q r s t v x;

11 phụ âm ghép : ch gh gi kh ng ngh nh ph qu th tr.

Chữ quốc ngữ có 5 dấu giọng:

/ (sắc), \ (huyền), • (nặng), ˇ (hỏi), ~ (ngã).

Theo các giáo sĩ Âu Châu, những người sáng tạo chữ quốc ngữ, Tiếng Việt có 6 giọng:

1	giọng bằng	không dấu	(ba)
2	giọng sắc	dấu sắc	(bá)
3	giọng trầm	dấu huyền	(bà)
4	giọng uốn cong	dấu nặng	(bā)
5	giọng nặng trĩu	dấu nặng	(bᾳ)
6	giọng nhẹ	dấu hỏi	(bả)

Các chữ cái của chữ quốc ngữ được phát âm như sau:

- Phát âm như Tiếng Pháp: a b c g h i k l m n p q r s t v x y;
- Phát âm theo Người Việt: ā â đ đ e ê o ô ơ u ư.

Để hiểu nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ, người ta có thể xét cách hình thành:

- 1 âm gốc chuẩn,
- 2 số lượng âm gốc của chữ quốc ngữ,
- 3 ráp chữ.

### 1 Âm gốc chuẩn (hiện dùng), chưa có dấu giọng

Lần lượt dùng 12 nguyên âm, đứng trước, ráp với các phụ âm, hoặc với các nguyên âm khác, đứng sau, các giáo sĩ đã lập ra **160 âm gốc chuẩn**, để thể hiện được các âm thanh trong tiếng nói của Người Việt, hiện đang được dùng trong chữ quốc ngữ (Phụ Bản 8A).

Phụ Bản 8A cho thấy, âm gốc chuẩn gồm có 2 loại:

- âm gốc đủ, có thể dùng cho tất cả 5 dấu giọng 106
  - âm gốc thiếu, chỉ dùng được cho 2 dấu giọng (sắc, nặng) 54
- 160**

## 2 Số lượng âm gốc của chữ quốc ngữ, có dấu giọng

Âm gốc có dấu là một âm gốc chuẩn, được đánh thêm 1 trong 5 dấu giọng.

Ví dụ

**uyên** (âm gốc đủ, dùng được 5 dấu giọng) → **uyến, uyền, uyện, uyển, uyễn** (âm gốc có dấu);  
**át** (âm gốc thiếu, dùng được 2 dấu giọng) → **ất, ật** (âm gốc có dấu).

Âm gốc thiếu là những âm gốc có chữ cái cuối là *c, ch, p, hay t*.

Trong chữ quốc ngữ, các âm gốc thiếu *bắt buộc phải có dấu giọng*, thì mới trở nên một âm gốc *có nghĩa*. Nói khác đi, một âm gốc thiếu không có dấu giọng không được tính là một âm gốc, để tạo nên một chữ quốc ngữ.

Ví dụ,

**at** có trong Phụ Bản 8A, nhưng không được coi là một âm gốc *có nghĩa*;  
**át** và **ật** được coi là các âm gốc *có nghĩa* trong chữ quốc ngữ.

Dùng dấu giọng cho các âm gốc chuẩn, Phụ Bản 8A cho thấy số lượng của tất cả các âm gốc của chữ quốc ngữ, như sau:

• Âm gốc đủ, có dấu giọng	106 x 5 = 530
• Âm gốc đủ, không dấu giọng	106 x 1 = 106
• Âm gốc thiếu, có dấu giọng	54 x 2 = <u>108</u>
	<b>744</b> âm gốc.

## 3 Ráp chữ

Một chữ quốc ngữ được cấu tạo bằng cách ráp một phụ âm (chiếc hay ghép) với một âm gốc (có dấu giọng, hay không dấu giọng). Một âm gốc tự nó là một chữ quốc ngữ.

**Một chữ quốc ngữ = phụ âm + âm gốc** (chữ quốc ngữ bắt đầu bằng *phụ âm*);

**Một chữ quốc ngữ = âm gốc** (chữ quốc ngữ bắt đầu bằng *nguyên âm*).

▲ Có thể nói, một chữ quốc ngữ là một *âm phối hợp* của một âm gốc và một phụ âm, hoặc chỉ có một âm gốc. Ví dụ,

*mẹ* = *m* + *ẹ* (phụ âm + âm gốc) = chữ quốc ngữ bắt đầu bằng *phụ âm*;

*cha* = *ch* + *a* “

*hoc* = *h* + *oc* “

*trường* = *tr* + *ường* “

*nghĩa* = *ngh* + *ĩa* “

*em* = *em* (chỉ có âm gốc) = chữ quốc ngữ bắt đầu bằng *nguyên âm*.

*uyễn* = *uyễn* “

*in* = *in* “

*éch* = *éch* “

## 8.2 Trữ lượng của chữ quốc ngữ

Phản trước cho thấy, chữ quốc ngữ có *nguyên tắc cấu tạo rất đặc chẽ*.

### 1 Trữ lượng chữ chiết

Số lượng âm gốc của chữ quốc ngữ (không dấu và có dấu giọng) là 744. Đó là những *chữ chiết quốc ngữ bắt đầu bằng nguyên âm*. Trong số 28 phụ âm, chiết và ghép, của chữ quốc ngữ, 2 phụ âm *p* và *q* không thể đứng trước để ráp trực tiếp với các âm gốc, để tạo thành chữ quốc ngữ. Như vậy, chỉ còn **26 phụ âm**, chiết và ghép, có thể đứng trước, để ráp với các âm gốc, để thành những *chữ chiết quốc ngữ bắt đầu bằng phụ âm*.

Số lượng âm gốc và phụ âm không thay đổi; từ đó, người ta có thể tính chính xác số lượng chữ chiết của chữ quốc ngữ, như sau.

- Chữ chiết bắt đầu bằng *nguyên âm* = 744 = 744
- Chữ chiết bắt đầu bằng *phụ âm* = 744 x 26 = 19.344  
20.088

*Trữ lượng chữ chiết của chữ quốc ngữ là 20,088 chữ chiết.*

Xem Bảng kê 20,088 chữ chiết quốc ngữ (tiêu chuẩn), trong CD1 kèm theo.

#### Ghi chú

Vào Thế Kỷ 17, các giáo sĩ sáng tạo chữ quốc ngữ, đã phân biệt các phụ âm *c* và *k*, và các phụ âm *ng* và *ngh*, dựa vào cách phát âm Tiếng Việt một cách chuẩn xác và tinh tế của dân gian Miền Bắc, giống như người Âu Châu phát âm các ngôn ngữ đa âm của họ.

Nếu dùng cả 4 phụ âm này, đứng trước, để ráp với các âm gốc, chữ quốc ngữ, và cách phát âm của chữ quốc ngữ, sẽ giàu thêm một chút.

#### Ví dụ

Được phát âm chuẩn xác, 2 chữ *côn* và *kôn* có cách phát âm *gần giống nhau*, nhưng *không đồng nhứt với nhau*, và Người Việt có thể dùng cả 2 chữ này để chỉ 2 ý niệm hoặc 2 vật chất khác nhau.

Được phát âm chuẩn xác, 2 chữ *ngõ* và *nghõ* có cách phát âm *gần giống nhau*, nhưng *không đồng nhứt với nhau*. Và người Việt có thể dùng cả 2 chữ này để chỉ 2 ý niệm hoặc 2 vật chất khác nhau.

Đó là một cách làm giàu Tiếng Việt.

## 2 Trữ lượng chữ đôi

Hoán vị 20,088 chữ chiếc này, để thành *chữ đôi*, người ta sẽ có một số lượng chữ đôi, tính theo lý thuyết, rất lớn.

Cho  $n = 20,088$  (số lượng chữ chiếc dùng hoán vị),  
và  $r = 2$  (hoán vị thành *chữ đôi*).

$$P_{(n,r)} = \frac{n!}{(n-r)!} = \frac{20088!}{(20088-2)!} = 403,507,656$$

Con số chữ đôi trên đây chỉ bao gồm những chữ đôi thường, và chữ đôi lật ngược thứ tự, nhưng chưa có những chữ đôi lặp lại, như *songsong*, *mãimãi*, *vuivui*, *buônbuồn* . . .

Trữ lượng đầy đủ của chữ đôi quốc ngữ là:

• Số lượng chữ đôi thường, và lật ngược	403,507,656
• Số lượng chữ đôi lặp lại	<u>20,088</u>
	403,527,744

*Trữ lượng chữ đôi của chữ quốc ngữ là 403,527,744 chữ đôi.*

### Ghi nhận

#### hai chữ quốc ngữ viết sai

Tự điển đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ của Alexandre de Rhodes, in tại La Mã, năm 1651, cho thấy buổi đầu, chữ quốc ngữ còn khá thô sơ. Sau 200 năm phát triển, phải đến cuốn tự điển của giáo sĩ Tabert, *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng* (Dictionarium anamitico-latinum), viết năm 1838, chữ quốc ngữ mới hoàn thiện như ngày nay, với nguyên tắc cấu tạo rất chắc chắn.

Tuy nhiên, có hai chữ ráp bằng phụ âm *gi* và *qu*, chưa được dùng theo đúng nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ, như dẫn chứng dưới đây.

Trong chữ quốc ngữ, trừ các cữ cái *ă*, *â*, *d*, *đ*, *e*, *ê*, *o*, *ô*, *ơ*, *u*, *ư*, các chữ cái khác được phát âm giống như cách phát âm của Tiếng Pháp. Tuy nhiên, để giúp trẻ con Lớp Một học ráp vẫn một cách dễ dàng (phụ âm + âm gốc), Người Việt đã quy ước cách đọc – *chỉ dùng khi ráp vẫn* – các phụ âm chiếc và phụ âm ghép, như sau:

B bờ C cờ D dờ Đ đờ G gờ GI giờ PH phờ QU quờ . . .

#### Phụ âm GI

cái <b>gi</b> (gờ + i)	được viết đúng, là	cái <b>giù</b> (giờ + i);
giữ <b>gìn</b> (gờ + ìn)	“	giữ <b>giùn</b> (giờ + ìn).

#### Phụ âm QU

tổ <b>quốc</b> (quờ + ốc)	được viết đúng, là	tổ <b>quuốc</b> (quờ + uốc).
---------------------------	--------------------	------------------------------

### 8.3 Chữ quốc ngữ bị bỏ hoang

Người Việt đã chỉ dùng khoảng 60% trong trữ lượng 20,088 chữ chiết quốc ngữ.

Phụ Bản 8A cho thấy, một số chữ quốc ngữ trong trữ lượng, *chưa có mặt*.

Ví dụ

Phụ âm để ráp chữ	Âm gốc chuẩn Phụ Bản 8A	Chữ chiết hiện dùng (chưa có dấu giọng)	Chữ chiết chưa có mặt (chưa có dấu giọng)
C	Hàng 1-A	ca cac cach cai cam can cang canh cao cap cat cau cay	KHÔNG CÓ
B	Hàng 6-I	bia bich biêc biêm biên biêng biêt biêu bi bim bin binh bip bit biu	biêp
V	Hàng 6-I	via viêc viêm viên viêng viêt vi vin vinh vit viu	vich viêp viêu vim vip
Đ	Hàng 5-Ê	dê dêch đêm đèn đênh đêu	dêp đêt
K	Hàng 1-A	KHÔNG CÓ	ka kac kach kai kam kan kang kanh kao kap kat kau kay
T	Hàng 11-U	tưa tuti tương tươc tươi tươn tương tutu tư	tûm tûm tươn tưop tûot tûou tûu
.....	.....	.....	.....

Có thể kể thêm vài chữ quốc ngữ chưa có mặt:

*hiệt kông truyết liệt by nghỹ nge ngê riên miếc vức vôm boay gioan coa coat  
đắc nướt đy đím ăng âng khiếc nươn ngưỚt nhình đìn diết phươn ry viếc...*

Có thể ước lượng khoảng 40% chữ chiết, trong trữ lượng 20,088 chữ chiết quốc ngữ, chưa có mặt trong Tiếng Việt, nghĩa là vào khoảng 8,000 chữ. Từ đó, người ta có thể thấy, chữ đôi chưa có mặt là một con số hết sức lớn.

Những chữ chưa có mặt, trong ví dụ trên chẳng hạn, là những chữ *theo đúng nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ*, nhưng chưa có nghĩa, vì chúng chưa được Người Việt dùng đến. Đó là những **chữ quốc ngữ bị bỏ hoang** trong suốt Thế Kỷ 20, từ khi chữ quốc ngữ được Người Việt dùng làm chữ viết chính thức. Những chữ bị bỏ hoang có thể gọi là những **chữ chờ**; chúng đang hiện hữu, và chúng đang chờ Người Việt quy ước ý nghĩa cho chúng, để chúng góp phần làm cho Tiếng Việt ngày càng giàu hơn.

## 1 Vấn đề hiện nay

Khi số chữ bị bỏ hoang, hay chữ chòe, bắt đầu được dùng, những người lớn tuổi có thể sẽ cảm thấy bỡ ngỡ, hoặc có cảm giác khó chịu, vì họ thấy nhiều chữ chưa quen mắt và quen tai. Tuy nhiên, đối với trẻ con học vỡ lòng ở Lớp Một, nếu được dạy đầy đủ cách ráp 26 phụ âm với 160 âm gốc chuẩn, và nhơn ra thành 744 âm gốc của chữ quốc ngữ, chúng sẽ thấy là rất bình thường, vì đầu óc của trẻ con còn trắng, và chưa có định kiến. Ví dụ, Người Việt có thể dùng những chữ bị bỏ hoang, để làm giàu Tiếng Việt.

Tiếng Pháp	Tiếng Anh	Tiếng Việt
penser réfléchir		<i>nghĩ</i> <b>nghŷ</b> (chữ bị bỏ hoang)
	to look at	<i>nhìn</i>
	to watch	<b>nhìn</b>
	to hear	<i>nghe</i>
	to learn of/ learn about	<b>nge</b>
	racism	<i>kỳ thị [chủng tộc]</i>
	discrimination	<b>kì thị (phân biệt đối xử)</b>
	to say	<i>nói</i>
	to speak	<b>nóy</b>
	great	<i>lớn (trùu tượng) ⇒ nhà thơ lớn, gia đình lớn (nổi tiếng)</i>
	big	<b>lóng (cụ thể) ⇒ gia đình lóng (đông người)</b>
.....	.....	.....

Suốt Thế Kỷ 20, Người Việt đã không biết đến *Những Điều Con Hoang Chữ Quốc Ngữ*, và vẫn liên tục nhận con nuôi từ Nước Tàu, có tên là *Hán Việt*.

Chữ Hán là những ký hiệu chứa đựng ý nghĩa tượng trưng. Chữ quốc ngữ là các ký hiệu ghi âm tiếng nói của Người Việt. Tiếng Việt thuần, trước kia được viết bằng Chữ Nôm, đã bị gò bó vào sức sống của Tiếng Tàu. Ngày nay, chữ quốc ngữ đã và đang khai mở cho ngôn ngữ Việt Nam một con đường riêng, thênh thang, và gần như vô tận.

Khi Người Tàu quy ước với nhau, chữ *trung* có ý nghĩa là *cách đều hai vị trí nào đó*, Người Việt quy ước ý nghĩa ấy bằng chữ *giữa*. Khi Người Tàu quy ước một chữ *trung* khác, có nghĩa là *hết lòng với vua*, Người Việt đã không quy ước một chữ nào đó có cùng ý nghĩa, mà lại mượn chữ *trung* này, và đọc theo cách phát âm riêng của mình. Và cứ như thế, từ buổi đầu cho đến hôm nay, Người Việt không sáng tạo và làm giàu Tiếng Việt thuần, mà cứ mượn chữ của Người Tàu, hết chữ này đến chữ khác, từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, cho đến nay là Thế Kỷ 21, cũng vẫn như vậy. Về hiện tượng này, có thể có mấy lý do đáng để ý:

- 1 Tiếng Tàu và Tiếng Việt đều là tiếng đơn âm;
- 2 Tất cả Tiếng Tàu đều có thể được Người Việt phát âm theo Tiếng Việt;
- 3 Nước Tàu ngày xưa (không phải hôm nay) là một trong những nước có trình độ văn hóa và văn minh cao tại Á Châu.

Có mặt của chữ quốc ngữ, tình hình ngôn ngữ Việt Nam có thể đổi khác, với điều kiện Người Việt phải coi công việc nghiên cứu, khai phá, và sáng tạo, như một truyền thống, nghĩa là như một việc làm mỗi ngày, hay nghĩa là như ăn-ngủ-thở.

Hiện nay, thế hệ Người Việt có biết chút ít Tiếng Hán Việt, trên dưới 60 tuổi, rồi sẽ trở về với cát bụi. Thế hệ trẻ hiện nay, ở trong nước cũng như ở đâu đó trên khắp Trái Đất, đều không biết Tiếng Hán Việt. *Không có gì trừ ngại.* Nhiều triệu chữ nhàn rỗi trong trữ lượng của chữ quốc ngữ đang chờ Người Việt chọn lựa, và lấy ra để gọi tên những vật chất mới hay những ý niệm mới. Biết Tiếng Hán Việt là một điều tốt; không biết Tiếng Hán Việt cũng không phải là một điều không tốt. Ít nhất, điều này sẽ giúp cho các thế hệ sau không còn ỷ lại vào Tiếng Hán Việt như hôm nay, và từ đó, Tiếng Việt thuần sẽ phát triển, và mỗi ngày mỗi giàu hơn.

Vấn đề hiện nay là, khi thế hệ sắp tới không còn biết Tiếng Hán Việt, Người Việt đừng quên rằng, họ đang có một suối nguồn chữ quốc ngữ gần như không bao giờ cạn.

*Buổi Chiều Hán Nôm rồi sẽ qua đi, và Bình Minh Chữ Quốc Ngữ sẽ mở ra cho ngôn ngữ Việt Nam con đường mới, tự do, thênh thang, và gần như vô tận.*

Người Việt có thể tưởng tượng chuyện “giả tưởng” như sau.

*Một ngày nọ, tất cả những Chữ Hán Việt bỗng nhiên biến mất trong ngôn ngữ Việt Nam. Ngày đó, Người Việt chỉ có thể thông tin cho nhau những việc hết sức đơn giản, thuộc sinh hoạt hằng ngày. Vì Tiếng Việt thuần quá nghèo nàn, học trò không đủ chữ để học, nhà báo không đủ chữ để thông tin, nhà văn không đủ chữ để viết . . . Tất cả hoạt động thông tin đều tê liệt. Người Việt bỗng nhiên thấy mình trở về thời tiền sử.*

Trước khi lớp người lớn tuổi hiện nay, còn biết chút ít Tiếng Hán Việt, sẽ trở về với cát bụi, và các thế hệ tiếp nối không còn biết Tiếng Hán Việt, lớp người trẻ Việt Nam phải tự mở con đường mới cho ngôn ngữ Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một trở ngại. Lớp người lớn tuổi, ở trong nước hay ở Mỹ, vẫn còn thích dùng quá nhiều Tiếng Hán Việt **không cần thiết** – nghĩa là có Tiếng Việt cùng nghĩa – trên báo chí hay sách vở. Chẳng hạn, mới đây, trên Việt Báo Online, người ta đọc thấy chữ “lục quốc,” thay vì viết *sáu nước*, hoặc “tứ cường,” thay vì viết *bốn nước mạnh*, hoặc “Ngày Hiền Mẫu” thay vì *Ngày Của Mẹ*, v.v.

Muốn cho những đứa con sanh ra hay lớn lên tại Mỹ, đi học Tiếng Việt tại các lớp dạy Tiếng Việt ở Mỹ, một số cha mẹ đã nhận được câu trả lời của trẻ em,

*“Tiếng Việt khó hiểu hơn Tiếng Anh!”*

Trong các gia đình mà cha mẹ thích dùng nhiều Tiếng Hán Việt, hơn là Tiếng Việt cùng nghĩa, trẻ em nghe cha mẹ nói, đúng là Tiếng Việt, nhưng chúng lại không hiểu cha mẹ nó gì. Chẳng hạn, cha mẹ nói *người già*, thì chúng sẽ hiểu, nhưng nói người “cao niên”, có lẽ chúng sẽ không hiểu; cha mẹ nói *Ngày Của Cha*, thì chúng sẽ hiểu, nhưng nói “Ngày Hiền Phụ,” có lẽ chúng sẽ không hiểu . . .

## **2 Đặt ra chữ mới bằng Tiếng Việt, muốn thì được**

Khác với Chữ Hán, mà mỗi chữ là một ký hiệu chứa đựng ý nghĩa tượng trưng, chữ quốc ngữ chỉ là những ký hiệu ghi âm tiếng nói của Người Việt. Do đó, các chữ mới ít bị gò bó bởi ý nghĩa của từng chữ chiết, khi chúng được phối hợp với nhau.

Bỏ thói quen ngồi chờ để mượn chữ nghĩa của Tàu, như một thói quen nô lệ, và với một cố gắng cần thiết, Người Việt có thể dùng Tiếng Việt thuần để dịch từ Tiếng Anh hay Tiếng Pháp, hoặc đặt ra chữ mới, không có gì khó khăn.

- 1      *Dùng Tiếng Việt, với những chữ hiện có trong tự điển, hoặc với những chữ bị bỏ hoang, tức chữ chờ; Tiếng Việt có thể là Việt thuần, hoặc Tiếng Hán đã được Việt hóa từ lâu;*
- 2      *Ngắn gọn đến chừng có thể được;*
- 3      *Chỉ dùng Hán Việt trong trường hợp không có Tiếng Việt cùng nghĩa.*

Hiện nay, trong khoa điện toán, Người Việt đã dùng quá nhiều Hán Việt để dịch từ Tiếng Anh.

Dưới đây, chúng tôi thử đưa ra vài ví dụ, về dịch một số Tiếng Anh ra Tiếng Việt, theo các định hướng kể trên.

Tiếng Anh	Tiếng Việt
highlight	quét sáng
graphical interface	linh hình
download	nạp xuống
upload	phóng lên
email	thư gió
eBook	sách gió
eCommerce	chợ gió
vertical scrolling	chạy dọc
horizontal scrolling	chạy ngang
show	rời
remove	gỡ bỏ
resolution	độ mịn

bug	<i>lỗi</i>
debug	<i>sửa lỗi</i>
default	<i>định sẵn</i>
code	<i>khóa</i>
decode	<i>mở khóa</i>
menu	<i>bảng kê</i>
conflict	<i>va chạm [phản mềm]</i>
icon	<i>kon</i> (chữ bị bỏ hoang)
background color	<i>màu nền</i>
memory	<i>bộ nhớ</i>
volatile memory	<i>bộ nhớ tạm</i>
permanent memory	<i>bộ nhớ mãi</i>
font	<i>kiểu chữ</i>
paragraph	<i>đoạn</i>
field	<i>vùng/ khoảng</i>
save	<i>cắt</i>
save as	<i>cắt như là</i>
page setup	<i>sắp xếp trang [viết]</i>
print preview	<i>xem trang in</i>
cut	<i>cắt</i>
paste	<i>dán</i>
copy	<i>chép lại</i>
clear	<i>bôi/ xóa</i>
select	<i>chọn</i>
select all	<i>chọn hết/ chọn cả</i>
zoom	<i>đóng khung</i>
hacker	<i>cướp tin</i>
to surf the Internet	<i>lên Net</i>
v.v.	

Chữ nghĩa chỉ là những quy ước để thông tin giữa con người với nhau. Thế thôi. Và, chữ nghĩa, tự nó, không sang không hèn, không xấu không tốt, không hay không dở, và không cao siêu hay bí ẩn gì cả. Chữ nghĩa chỉ là những tên gọi. *Những gì chưa đựng ở trong các tên gọi, mới là quan trọng.*

Có nhiều người tranh cãi với nhau, về tên gọi của *computer*: phải gọi là *máy vi tính*, hay *máy điện toán*, hay *máy điện não*? Bàn về một tên gọi, thật là vô ích. Giống như người ta thắc mắc và bàn cãi, tại sao gọi là *trái thơm*, mà không gọi là *trái dứa*; tại sao dân gian Sài Gòn gọi là *đường hẽm*, mà dân gian Đà Nẵng gọi là *kiệt* . . .

Những gì chưa đựng trong tên gọi của *computer* mới là quan trọng. Muốn cho biết *computer* là gì, người ta phải viết từ vài trang giấy, đến một quyển sách, đến nhiều quyển sách . . . cũng chưa đủ.

Gọi computer bằng tên giờ cũng được. Còn muốn biết computer là gì, tốt nhất là phải đi học. Vì, không thể chỉ nghe một tên gọi, mà biết được hết kiến thức chứa đựng trong tên gọi ấy. Ngay cả những người học xong đại học về computer science, cũng chỉ biết được một ngành, thậm chí, chỉ biết một nhánh nhỏ của computer science.

Trước kia, nếu người ta không dùng chữ *bê-tông cốt thép* để dịch từ chữ *béton armé* của Tiếng Pháp, mà dùng chữ *đá dẽo*, ngày nay, khi nói *đá dẽo*, người ta hiểu đó là tên gọi của cái mà Người Pháp gọi là *béton armé*. Dùng tên gọi giờ cũng được, không có giờ quan trọng. Còn muốn có kiến thức đầy đủ về *béton armé*, tốt nhất là phải đi học; không có cách nào khác.

Môn thể thao mà Người Anh gọi là *football*, Người Mỹ gọi là *soccer*. Và không có Người Anh hay Người Mỹ nào tranh cãi về chữ nào “hay” hơn chữ nào, hoặc chữ nào “dở” hơn chữ nào. Vấn đề là, mọi người đều hiểu *football* hay *soccer* là môn thể thao *nhiều vây như vậy*, thế là đủ.

Ông bà mình hay nói, “*Biển học mênh mông.*” Cái mênh mông của tri thức được chứa đựng bằng chữ nghĩa, chứ không phải nằm ở *hình thức của một chữ*.

Thay vì dùng Tiếng Hán Việt khó hiểu, Người Việt có thể dùng Tiếng Việt để dịch, hay đặt ra chữ mới. Chỉ cần bỏ đầu óc ngàn năm lệ thuộc vào Tiếng Hán, và chỉ cần một chút cố gắng, là được. Người Pháp nói,

*Vouloir, c'est pouvoir.*  
(Muốn, thì được.)

### 3 Dân gian, người sáng tạo chữ nghĩa

---

Một số người quan tâm đến Tiếng Việt, tỏ ý mong muốn rằng Việt Nam sẽ có một viện hàn lâm về ngôn ngữ.

Đó là những người có tấm lòng tha thiết nghĩ đến tương lai của ngôn ngữ Việt Nam. Tuy nhiên, một viện hàn lâm về ngôn ngữ, là không cần thiết, nếu không muốn nói là có hại cho sự phát triển của Tiếng Việt.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, khi một nhóm người giữ “độc quyền ngôn ngữ,” như Cộng Sản Hà Nội trong thời gian 1954-1975, và tiếp tục cho đến hôm nay, đã dùng báo chí và các phương tiện khác, cũng ở trong tay họ, để đưa ra những *tên gọi thứ hai* cho những chữ nghĩa có sẵn của cha ông mà Miền Bắc đã dùng trước 1954, và Miền Nam tiếp tục dùng trong thời gian 1954-1975 ở trong nước, và hiện nay, ở ngoài nước.

Bày ra *hai tên gọi cho cùng một vật chất hay một ý niệm*, thông tin sẽ bị nhiễu. Đó là một việc làm phản khoa học của Cộng Sản Hà Nội. Khi cộng sản mới chiếm Miền Nam, nhiều “chữ cộng sản” đã làm cho dân gian Miền Nam ngơ ngác, vì không hiểu. Nhiều người dân ở Miền Nam phải hỏi thăm người này người nọ, để có thể hiểu được một số “chữ cộng sản,” hoặc phải nhờ người am hiểu “dịch” ra giùm, thì mới hiểu.

Vài ví dụ.

Chữ *chuyển tiếp* (Hán Việt), hay *bước qua* (Tiếng Việt) có sẵn từ lâu, được Cộng Sản Hà Nội đặt cho một tên gọi thứ hai, là “quá độ.” Dân gian Miền Nam mới nghe chữ “quá độ” thì không hiểu gì cả, vì ở trong Nam, người ta thường nói,  
*ăn uống quá độ, dâm dục quá độ . . .*

Chữ *tỷ lệ*, cùng nghĩa với chữ *proportion/ percentage* của Tiếng Anh, có sẵn từ lâu, được Cộng Sản Hà Nội đặt cho một tên gọi thứ hai, là “tỷ trọng,” trong khi ở Miền Nam, chữ *tỷ trọng*, dùng trong vật lý, cùng nghĩa với chữ *density* của Tiếng Anh.

Những chữ đơn giản như *dòn tay, rui, mè*, trong xây dựng, cũng bị cộng sản thay bằng “xà gỗ,” “cầu phong,” và “li-tô.”

Riêng chữ *luận lý học*, cộng sản không tìm ra được tên gọi thứ hai, nên không có cách nào khác hơn là mượn Tiếng Anh, là “logic.” Chữ có sẵn của cha ông để lại, Cộng Sản Hà Nội không dùng, lại đi mượn của Tiếng Anh!

Vân vân.

Loại chữ nghĩa thứ hai do Cộng Sản Hà Nội bày ra, đầy dãy Hán Việt, rườm rà, cầu kỳ, và quá dài dòng, dẫn sâu thêm vào sự lệ thuộc Chữ Hán.

Một viện hàn lâm cũng chỉ gồm một nhóm nhỏ người, chưa hẳn đã là những người xuất sắc nhất trong dân gian, lại càng không phải là những người có kiến thức bao gồm tất cả mọi khoa học và kỹ thuật, khi trở thành những “Ông Hàn,” có lẽ họ không khỏi nghĩ đến “quyền lực” của họ. Từ đó, rất có thể sẽ xuất hiện một loại độc quyền ngôn ngữ. Và, mọi độc quyền đều có hại.

Ngôn ngữ là sản phẩm của xã hội, nghĩa là của mọi lớp người trong dân gian. Người dùng chữ nghĩa mới có nhu cầu và có khả năng sáng tạo chữ nghĩa.

Trong những năm 1960, nhà thơ Đông Hồ đã đặt tên cho nhà sách của ông, ở Đường Nguyễn Thái Học, Sài Gòn, là *Xiêm Xiêm Thư Trang*, thay vì *Diêm Diêm Thư Trang*. Đó là một ý nghĩ đầy tưởng tượng và sáng tạo của một người, là một nhà thơ, không phải là nhà ngôn ngữ học. Nhà thơ Tô Thùy Yên dùng một chữ quốc ngữ bị bỏ hoang để đặt tên cho đứa con trai út của ông: Đinh Kinh *Hiệt*. Chữ *Hiệt* chưa có mặt trong các tự điển Tiếng Việt.

Một nhà giáo dạy Tiếng Anh nổi tiếng, đã qua đời, có tên riêng là một chữ quốc ngữ bị bỏ hoang: Lê Bá *Kông*. Một nhà khoa học, hiện sống và làm việc tại California, người đã lên tiếng báo động về tình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng tại Việt Nam dưới thời cộng sản hiện nay, cũng có tên riêng là một chữ quốc ngữ bị bỏ hoang: Tiến Sĩ Mai Thanh *Truyết*. Trong bản tin của Người Việt Online, ngày 3/29/2003, người ta thấy có một Người Việt trong nước, cũng có tên riêng là một chữ quốc ngữ bị bỏ hoang: Hoàng Văn *Huây*.

Từ rất lâu, báo chí đã dùng nguyên âm *oo*, chưa có trong chữ quốc ngữ, để viết chữ *loon toon*, có nghĩa là tùy phái, hoặc viết chữ *bù loon*, có nghĩa là ốc vẹn.

Trong chữ quốc ngữ, chỉ có phụ âm ghép *ph* mới có thể ráp với các âm gốc, để thành chữ quốc ngữ. Dân gian đã dùng phụ âm *p*, để viết là *pin Con Ó*.

Chữ quốc ngữ không có phụ âm *z* và *dz*. Dân gian đã dùng phụ âm *dz* để viết tên riêng, hoặc họ: Hồ *Dzénh*, *Dzư* Văn Tâm (nhà thơ Thanh Tâm Tuyền) . . .

Những chữ trên, dân gian vẫn đọc một cách bình thường, nghĩa là không thấy khó chịu hay ngạc nhiên gì cả. Vậy, đó là những chữ có thể dùng được trong chữ quốc ngữ.

Những chữ như *loon toon*, *pin Con Ó*, *Dzénh*, *Dzư*, *Dzũng*, *Yiẽm Yiẽm*, *Kông*, *Truyết*, *Hiệt*, *Huây* . . . cho thấy dân gian đã đi trước những nhà nghiên cứu ngôn ngữ, về mặt sáng tạo. Có thể thấy nguyên nhân của hiện tượng trên.

Không ai, đâu đó là những nhà ngôn ngữ học, hay những “Ông Hàn,” nếu có, có thể “sáng tạo giùm” chữ nghĩa cho xã hội. Dân gian, người dùng chữ nghĩa, cũng là người sáng tạo chữ nghĩa. Trong khi những nhà ngôn ngữ học không thoát ra được ràng buộc định kiến và sách vở, thì dân gian, vì nhu cầu cần thiết, và với đầu óc phơi phới tự do, độc lập, và phóng khoáng, là những người đã thật sự góp phần đẩy chữ nghĩa đi tới.

Thêm một ví dụ.

Gần đây, tại Việt Nam, lớp người trẻ, thường dùng Internet, đã lấy chữ cái *w*, không có trong chữ quốc ngữ, với ý muốn thay thế phụ âm ghép *qu*. Việc dùng *w* thay thế *qu* là không tương đương về cách phát âm. Chẳng hạn,

<i>wa</i>	phát âm tương đương với	<i>oa/ ua;</i>
<i>wa</i>	phát âm không tương đương với	<i>qua.</i>

Tuy nhiên, hiện tượng trên đây cho thấy, dân gian thuộc mọi tầng lớp và mọi ngành nghề, chính là những người đẩy chữ nghĩa đi tới; không phải các nhà ngôn ngữ học, hay các “Ông Hàn,” nếu có. Bởi vậy, có thể nói,

*Dân gian, người sáng tạo chữ nghĩa.*

## 8.4      **Làm giàu Tiếng Việt**

Hôm nay là Thế Kỷ Của Tốc Độ. Và, tốc độ làm cho các dân tộc trên Trái Đất gần gũi với nhau, như đang sống trong một “ngôi làng chung.”

Là một trong rất nhiều nước đang thừa hưởng tài sản trí tuệ của thế giới, nói gần hơn, của Âu Mỹ, Việt Nam có nhu cầu hết sức gấp rút về dịch, phiên âm, hay Việt hóa các hạng từ khoa học và kỹ thuật từ Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức . . . song song với nhu cầu đặt ra các chữ mới, cùng nghĩa.

Để nhích lại gần các âm của những thứ tiếng kể trên, chữ quốc ngữ cần thiết phải mở rộng các âm gốc chuẩn, nghĩa là phải nhiều hơn con số 160 âm gốc chuẩn hiện dùng, trong Phụ Bản 8A.

Mục 8.3 ở phần trước cho thấy dân gian Việt Nam đã bắt đầu làm việc này từ rất lâu. Nay giờ, chúng ta chỉ làm tiếp công việc đưa thêm một số âm gốc chuẩn, và sắp xếp lại cho có hệ thống. Từ đó, Tiếng Việt sẽ giàu hơn, về cách phát âm và về số lượng chữ. dùng hôm nay, hay sẽ dùng trong ngày mai, dưới hình thức những *chữ chở*.

### **1      Âm gốc mở rộng, đề nghị**

Các *âm gốc mở rộng, đề nghị* (Phụ Bản 8B), có thể tóm tắt như sau.

1      **oo**

Thêm nguyên âm *oo*, như báo chí đã dùng từ lâu. Nguyên âm này nhích lại gần cách phát âm của Tiếng Pháp. Ví dụ, trong chữ *Platon*, vẫn **ton** không phát âm theo Tiếng Việt là *ton* hay *tông*, mà phát âm giữa hai âm ấy, và nặng hơn cách phát âm của Người Việt.

2      **ü**

Thêm nguyên âm *ü*, lấy từ Tiếng Đức, phát âm như *u* của Tiếng Pháp. Ví dụ, có thể phiên âm chính xác *hoa muguet* (Tiếng Pháp) là *mü-ghê*.

3      **ab āb âb eb ēb ib ob ôb ɔb ub üb ưb yb.**

Trong chữ quốc ngữ, các nguyên âm chỉ phối hợp với phụ âm *p*, để tạo ra các âm gốc chuẩn: *ap* *ăp* *âp* *ep* . . . Khác nhau giữa âm gốc chuẩn và âm gốc mở rộng là, âm gốc chuẩn phát âm *nặng*, còn âm gốc mở rộng phát âm *nhé*.

*ab < ap*            (*ab* phát âm *nhé* hơn *ap*, hay *ap* phát âm *nặng* hơn *ab*)

.....

▲ Nếu đã có âm **âb**, chữ **Arab** sẽ được phiên âm là **Â Rập**, phát âm nhẹ hơn **Ả Rập**.

4 **êc ic ooc oy ôc.**

Các âm gốc mở rộng này được phát âm nặng hơn các âm gốc chuẩn:

*êt < êc*

*it < ic*

*oc < ooc*

*oi < oy*

*ot < ôc.*

5 **ech och ôch ôch .**

Các âm gốc mở rộng này được phát âm nặng hơn các âm gốc chuẩn:

*et < ech*

*oc < och*

*ôc < ôch*

*ot < och*

6 **iec iem ien ieng iep iet.**

Các âm gốc mở rộng này có thể dùng để phiên âm các tiếng Âu Mỹ.

7 **ak āk âk ek êk ik ok ôk ök uk ük ük yk.**

Trong chữ quốc ngữ, các nguyên âm chỉ phối hợp với phụ âm *c* hay *t*, để tạo ra các âm gốc chuẩn: *ac, āc, âc, et, êt, it . . .* Khác nhau giữa âm gốc chuẩn và âm gốc mở rộng là, âm gốc chuẩn phát âm *nhẹ* (*t*) hoặc *hở nặng* (*c*), còn âm gốc mở rộng phát âm *nặng nhứt*.

*at < ac < ak*

*ăt < āc < āk*

*ât < âc < âk*

*et < ec < ek*

*êt < êc < êch < êk*

.....

8 **êng ing oong ơng yng ynh.**

So với các âm gốc chuẩn, các âm gốc mở rộng này được phát âm *nặng* và *kéo dài* hơn:

*ên < êng,*

*in < inh < ing < ynh < yng*

*oon < oong; ơn < ơng*

9 **oap êy ôy ơy üa üb ük üm ün üp üt üy uyc uyêc uyeng uyng.**

Các âm gốc mở rộng này dùng để phiên âm các tiếng Âu Mỹ.

▲ Bởi nguyên tắc cấu tạo rất chắc chắn của chữ quốc ngữ, khi cần, Người Việt có thể đưa thêm các âm gốc mới nữa vào Phụ Bản 8B, để có thêm nhiều chữ mới.

## 2 Tiếng Việt sẽ giàu hơn – Thêm 3 phụ âm p, z, và y

Song song với 65 âm gốc mở rộng đề nghị, có thể thêm 3 phụ âm vào con số 26 phụ âm hiện dùng của chữ quốc ngữ, có thể ráp với các âm gốc, để thành chữ quốc ngữ.

### 1 Phụ âm *p*

Chữ quốc ngữ chỉ có *phụ âm ghép ph* có thể đứng trước, ráp với các âm gốc. Cần có thêm *phụ âm p* để ráp với các âm gốc, cho nhu cầu phiên âm các thứ tiếng Âu Mỹ. Dân gian đã dùng phụ âm *p* từ lâu: *pin* Con Ó

### 2 Phụ âm *z*

Dân gian Miền Bắc phát âm chữ cái *d* tương đương với chữ cái *z* của Tiếng Pháp, trong khi dân gian Miền Nam phát âm chữ cái *d* tương đương với chữ cái *y* của Tiếng Anh.

Trong cách phát âm của dân gian Miền Nam, không có âm nào tương đương với âm tạo nên bởi chữ cái *z* của Tiếng Pháp. Do đó, thêm phụ âm *z* là cần thiết, để dân gian Miền Nam có thể đọc được các chữ phiên âm từ chữ cái *z* của Tiếng Pháp hay Tiếng Anh. Nghĩa là, khi có thêm phụ âm *z*, dân gian Miền Nam sẽ phải làm quen với một âm mới.

Dân gian Miền Bắc đã dùng phụ âm *z* từ lâu: *Hồ Dzénh* (dư chữ cái *D*).

### 3 Phụ âm *y*

Chữ quốc ngữ chỉ có *nguyên âm y*, nhưng không có *phụ âm y*.

Thêm *phụ âm y*, phát âm tương đương với phụ âm *y* của Tiếng Anh, là cần thiết, vì phụ âm *y* phù hợp với cách phát âm của dân gian Miền Nam. Ví dụ, dân gian Miền Bắc phát âm *chữ zero* là *dê-rô*, trong khi dân gian Miền Nam phát âm là *yê-rô*. Thêm một ví dụ,

- Dân gian Miền Bắc nói                      *Đi về Dê dâng Con voi Duyên dáng.*
- Dân gian Miền Nam nói                      *Đi yê Yê yàng Con yoi Yuyên yáng.*

Nhà thơ Đông Hồ hoàn toàn có lý, khi ông dùng chữ *Yiêm Yiêm Thư Trang* để đặt tên cho nhà sách của ông tại Sài Gòn, thay vì *Diễm Diễm Thư Trang*.

### Ghi chú

- Đị trước những nhà ngôn ngữ học, dân gian đã làm quen với những chữ cái không có trong chữ quốc ngữ (*nguyên âm OO; các phụ âm Y, DZ, và P*).
- Giữa năm 2007, trên Đài Truyền Hình TVBV, chuyên chiếu phim Hongkong và Đài Loan, người ta thấy Người Tàu viết một tựa phim là *Vùng Trời Bao La*, thay vì *Vùng Trời Bao La*. Người Tàu đã dùng âm gốc UNH không có trong chữ quốc ngữ, nhưng Người Việt vẫn đọc và hiểu được.

### 3. Trữ lượng mở rộng của chữ quốc ngữ

#### Trữ lượng mở rộng của chữ chiết quốc ngữ

- Số lượng âm gốc từ Phụ Bản 8B

Phụ Bản 8B. Bảng kê các âm gốc mở rộng cho thấy:

Âm gốc đủ có dấu giọng	16 x 5 = 80
Âm gốc đủ không dấu giọng	16 = 16
Âm gốc thiếu có dấu giọng	40 x 2 = 80
Âm gốc lẻ, không dùng dấu giọng	<u>10</u> = 10
	186

- Cộng chung các âm gốc tạo nên bởi PB.8A và PB.8B

$$\begin{array}{rcl} 744 & \text{(PB.8A)} \\ 186 & \text{(PB.8B)} \\ \hline 930 \end{array}$$

- Trữ lượng mở rộng của chữ chiết quốc ngữ:

$$\begin{array}{rcl} \text{Chữ chiết bắt đầu bằng nguyên âm} & = 930 & = 930 \\ \text{Chữ chiết bắt đầu bằng phụ âm} & = 930 \times (26 + 3) = \underline{26,970} & \\ & & 27,900 \end{array}$$

Trữ lượng mở rộng của chữ chiết quốc ngữ là 27,900 chữ chiết mở rộng.

Xem Phụ Bản 8E. Bảng kê 27,900 chữ chiết quốc ngữ mở rộng (Trang 445).

#### Trữ lượng mở rộng của chữ đôi quốc ngữ

$$P_{(n,r)} = \frac{n!}{(n-r)!} = \frac{27900!}{(27900-2)!} = 778,382,100$$

- Chữ đôi thường, và lật ngược thứ tự
  - Chữ đôi lặp lại
- |             |             |
|-------------|-------------|
| 778,382,100 | 27,900      |
| _____       | 778,410,000 |

Trữ lượng mở rộng của chữ đôi quốc ngữ là 778,410,000 chữ đôi mở rộng.

Tóm tắt,

- ▲ Trữ lượng tiêu chuẩn của chữ quốc ngữ = 20,088 chữ chiết + 403,527,744 chữ đôi;
- ▲ Trữ lượng mở rộng của chữ quốc ngữ = 27,900 chữ chiết + 778,410,000 chữ đôi.

Với một trữ lượng rất lớn các chữ chờ, Người Việt sẽ dễ dàng tìm và chọn lựa những chữ thích hợp, để gọi tên những vật chất mới hay những ý niệm mới.

**Phụ Bản 8B****Bảng kê các âm gốc mở rộng (có thể dùng)**

**Chữ đỏ** là âm gốc thiếu (chỉ dùng 2 dấu giọng) = 40

**Chữ đen** là âm gốc đủ (dùng đủ 5 dấu giọng) = 16

**Chữ xanh** là âm gốc lẻ (không dùng dấu giọng) = 10

Cộng = 66 âm gốc mở rộng

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Cộng
		a	b	c	ch	e	k	m	n	ng	nh	p	t	ü	y	
1	<b>a</b>						<b>ak</b>									<b>2</b>
2	<b>ă</b>		<b>ăb</b>				<b>ăk</b>									<b>2</b>
3	<b>â</b>		<b>âb</b>				<b>âk</b>									<b>2</b>
4	<b>e</b>		<b>eb</b>		<b>ech</b>		<b>ek</b>									<b>3</b>
5	<b>ê</b>		<b>êb</b>	<b>êc</b>			<b>êk</b>			<b>êng</b>				<b>ey</b>		<b>3 + 1 + 1</b>
6	<b>i</b>		<b>ib</b>	<b>ic</b>		<b>iec</b> iem ien ieng iep iet	<b>ik</b>			<b>ing</b>						<b>6 + 4</b>
7	<b>o</b>	<b>oap</b>	<b>ob</b>		<b>och</b>		<b>ok</b>							<b>oy</b>		<b>4 + 1</b>
8	<b>oo</b>			<b>ooc</b>					<b>oon</b>	<b>oong</b>						<b>1 + 2</b>
9	<b>ô</b>		<b>ôb</b>		<b>ôch</b>		<b>ôk</b>							<b>ôy</b>		<b>3 + 1</b>
10	<b>ơ</b>		<b>ơb</b>	<b>ơc</b>	<b>ơch</b>		<b>ơk</b>			<b>ơng</b>				<b>øy</b>		<b>4 + 2</b>
11	<b>u</b>		<b>ub</b>				<b>uk</b>							<b>uyêc</b> uyêng		<b>3 + 1</b>
12	<b>ü</b>	<b>üa</b>	<b>üb</b>				<b>ük</b>	<b>üm</b>	<b>ün</b>			<b>üp</b>	<b>üt</b>	<b>ü</b>	<b>üy</b>	<b>9</b>
13	<b>ư</b>		<b>ưb</b>				<b>ưk</b>					<b>ưp</b>				<b>3</b>
14	<b>y</b>		<b>yb</b>				<b>yk</b>	<b>ym</b>	<b>yn</b>	<b>yng</b>	<b>ynh</b>	<b>yp</b>	<b>yt</b>			<b>4 + 4</b>
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	

**Ghi chú**

Với nguyên tắc cấu tạo rất chắc chẽ, chữ quốc ngữ có đặc tính của một ngôn ngữ mở (*open language*), hay ngôn ngữ mềm (*soft language*), nghĩa là, Người Việt có thể dễ dàng mở rộng trữ lượng của chữ quốc ngữ, khi cần, bằng cách đưa thêm các âm gốc mới khác nữa, vào Phụ Bản 8B.

## Phụ Bản 8AB

**Bảng kê các âm gốc tổng hợp** (tiêu chuẩn + mở rộng)**Chữ đỏ** là âm gốc thiếu (chỉ dùng 2 dấu giọng) = 94**Chữ đen** là âm gốc đủ (dùng đủ 5 dấu giọng) = 122**Chữ xanh** là âm gốc lẻ (không dùng dấu giọng) = 10

Cộng = 226 âm gốc (tiêu chuẩn + mở rộng)

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	a	ă	â	b	c	ch	e	ê	i	k	m	n	ng	nh	o	ô	ơ	p	t	u	ü	ư	y	
1	a	a		ab	ac	ach			ai	ak	am	an	ang	anh	ao			ap	at	au			ay	
2	ă			ăb	ăc				ăk	ăm	ăn	ăng						ăp	ăt					
3	â			âb	âc				âk	âm	ân	âng						âp	ât	âu			ây	
4	e			eb	ec	ech	e		ek	em	en	eng			eo			ep	et					
5	ê			êb	êc	êch		ê	êk	êm	ên	êng	ênh					êp	êt	êu			êy	
6	i	ia		ib	ic	ich	iec	iêc	i	ik	im	in	ing	inh				ip	it	iu				
7	o	oa oac oach oai oam oan oang oanh oap oat oay		oăc oăm oăng oăt oăt oăt	ob	oc	och	oe oec oen oeo oet		oi	ok	om	on	ong		o		op	ot				oy	
8	oo				ooc						oon	oong												
9	ô				ôb	ôc	ôch		ôi	ôk	ôm	ôn	ông			ô		ôp	ôt				ôy	
10	ơ				ób	óc	óch		óí	ók	óm	ón	óng				ơ	ój	ót	óu			ój	
11	u	ua		uân uâng uât uây	ub	uc		uê uêch uênh	ui	uk	um	un	ung				uôc uôi uôm uôn uông uôt	uôp uôi uôm uôn uông uôt	ut	u		uy uya uych uyéc uyên uyêng uyêt wyn wynh uyt uyu		
12	ü	üa			üb				ük	üm	ün							üp	üt		ü		Üy	
13	ư	ưa			ưb	ưc			ưí	ưk	ưm	ưn	ưng					ưôc ưôi ưôm ưôn ưông ưôt ưôu	ưôp ưôi ưôm ưôn ưông ưôt ưôu	ưt	ưu		ư	
14	y				yb			yêm yên yêng yết yêu	yk	ym	yn	yng	ynh				yp	yt				y		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23

## Thay phụ âm ghép Gi bằng Gi

Chữ quốc ngữ có nguyên tắc cấu tạo rất chắc chắn. Tuy nhiên, có trường hợp, một chữ có thể được đọc theo hai cách khác nhau, và cho hai nghĩa khác nhau, liên quan đến phụ âm **g** và phụ âm ghép **gi**.

Ví dụ,

Chữ	Cách đọc 1 (ráp vẫn theo phụ âm g)	Cách đọc 2 (ráp vẫn theo phụ âm ghép gi)
• già	g + à = gor + à	gi + à = gior + à
• giếng	g + iếng = gor + iếng	gi + ếng = gior + ếng
• giả	g + ia = gor + ia	gi + ả = gior + ả

Để tránh trường hợp Người Việt có thể lẫn lộn *hai cách đọc* của các chữ bắt đầu bằng phụ âm **g** và phụ âm ghép **gi**, chúng ta có thể thay phụ âm ghép **gi** bằng **gi**. Và quy ước cách phát âm như sau:

**g**      phát âm là      **gor**  
**gi**      phát âm là      **giør**.

Như vậy, để tránh một chữ có thể đọc theo hai cách khác nhau, người ta sẽ viết là:

[tuổi] già	→	già	[đùa] giõn	→	giõn
[cái] giếng	→	giõéng	[diễm] giõa	→	giõa
[đồ] giả	→	giả	[chim] gi	→	gi
giếu [cot]	→	giõếu	giõ gìn	→	giõ gùn
[cái] gi	→	giõ	[núi] giẽ	→	giẽ
			.....		

**Trong chữ quốc ngữ, ráp vẫn như thế nào, thì đọc như thế ấy.**

**Ghi chú** Trong Phụ Bản 8E. *Bảng kê 27,900 chữ chiếc quốc ngữ mở rộng*, chúng tôi dùng phụ âm ghép **gi** để thay thế phụ âm ghép **gi**.

## Bảng chữ cái mới

31 chữ cái:

a ā b c d đ e ê g h i k l m n o ô ơ r s t u ü ư v x y z.

13 nguyên âm : **a ā e ê i o ô ơ u ü ư y;**

19 phụ âm chiếc: **b c d đ g h k l m n p q r s t v x y<sup>(1)</sup> z;**

11 phụ âm ghép: **ch gh gi kh ng ngh nh ph qu<sup>(2)</sup> th tr.**

(1) Chữ cái **y** vừa là nguyên âm, vừa là phụ âm.

(2) Phụ âm ghép **qu** có thể đứng trước để ráp với các âm gốc; phụ âm **q** thì không.

## 8.5 Dấu giọng đặt ở đâu?

### Khảo sát chung

Thực tế, nhìn một chữ quốc ngữ, Người Việt không thắc mắc về việc các dấu giọng (*sắc, huyền, nặng, hỏi, ngã*) nằm ở đâu, hay nói rõ hơn, nằm ở nguyên âm nào, mới là hợp lý. Nghĩa là, dẫu cho dấu giọng được đặt ở nguyên âm nào, Người Việt vẫn đọc đúng chữ quốc ngữ.

Tuy nhiên, khi một người nước ngoài học Tiếng Việt, hỏi người dạy là, các dấu giọng phải đặt ở nguyên âm nào mới đúng, có lẽ người dạy sẽ khó trả lời.

Trong mục này, chúng tôi thử đưa ra một phương pháp, để nhận biết các dấu giọng phải được đặt ở nguyên âm nào của một chữ quốc ngữ.

- Trước hết, người ta biết rằng, trong chữ quốc ngữ, dấu giọng không bao giờ đặt ở một phụ âm; dấu giọng chỉ đặt ở nguyên âm mà thôi.

Điều này khác với Tiếng Tây Ban Nha. Trong Tiếng Tây Ban Nha, các dấu giọng có thể đặt trên một *nguyên âm*, hoặc trên một *phụ âm*. Tiếng Tây Ban Nha không có phụ âm ghép ***nh*** như Tiếng Việt. Và Người Tây Ban Nha đã dùng dấu ~ đặt trên phụ âm ***n*** để phát âm tương đương với ***nh***.

Ví dụ,

<i>mañana</i> (buổi sáng)	phát âm là	<i>ma-nha-na</i> ,
<i>español</i> (Tiếng Tây Ban Nha)	phát âm là	<i>ê-s-pa-nhon</i> .

- Một chữ quốc ngữ có thể có từ 1 đến 3 nguyên âm.

Không có bất cứ lý thuyết ngôn ngữ nào có thể cho biết các dấu giọng phải được đặt ở nguyên âm nào của một chữ quốc ngữ. Người ta chỉ có thể *khảo sát một cách thực tế* cách phát âm chuẩn xác của Người Việt, để biết các dấu giọng phải đặt ở nguyên âm nào của một chữ quốc ngữ.

Một chữ quốc ngữ được cấu tạo như sau:

$$\begin{array}{lll} \text{một chữ quốc ngữ} = & \text{âm gốc} & (\text{chữ chiết bắt đầu bằng nguyên âm}); \\ \text{một chữ quốc ngữ} = & \text{phụ âm} + \text{âm gốc} & (\text{chữ chiết bắt đầu bằng phụ âm}). \end{array}$$

Căn cứ thực tế vào cách phát âm chuẩn xác của Người Việt, trước hết, khảo sát cách đặt dấu giọng cho các chữ chiết bắt đầu bằng *nguyên âm* (âm gốc), và sau đó, cho các chữ chiết bắt đầu bằng *phụ âm* (phụ âm + âm gốc).

## Đặt dấu giọng hợp lý cho chữ chiếc bắt đầu bằng nguyên âm

Đối với những chữ chiếc chỉ có 1 nguyên âm, dấu giọng đặt ở nguyên âm duy nhất ấy.

Đối với những chữ chiếc có 2 hoặc 3 nguyên âm, người ta luôn luôn có thể tách một chữ ra làm 2 thành phần, và mỗi thành phần chứa 1 âm, nghĩa là tách một chữ ra 2 âm khác nhau. Khi Người Việt phát âm, 2 âm này *giao nhau* (*intersect*), và tạo ra một âm duy nhất của chữ ấy.

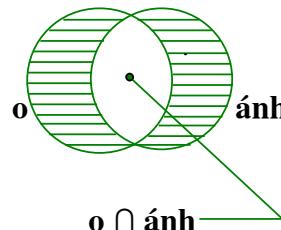
Ví dụ, phân tích chữ **oánh**.

- Phát âm *chậm và tách rời* hai âm **o** và **anh**;
- Phát âm hai âm *này nhanh dần lên*, người ta sẽ nhận ra chúng *giao nhau*, để tạo nên một âm duy nhất: âm của chữ **oánh**.

Làm trắc nghiệm này với hai âm **ó** và **anh**, người ta sẽ không nhận ra âm **oánh**:

$$\text{o} \cap \text{anh} = \text{oánh}, \text{nhưng } \text{o} \cap \text{anh} \neq \text{oánh}.$$

Có thể dùng biểu đồ Venn để cho thấy sự *giao nhau* (*intersection*) của 2 âm.



Kết quả trắc nghiệm trên đây cho thấy, trong chữ **oánh**, dấu giọng (*dấu sắc*) phải ở trên nguyên âm **a**, không phải ở trên nguyên âm **o**.

Thêm vài ví dụ.

### Dấu giọng đặt đúng chỗ

**Hai âm giao nhau hợp lý  
dẫn đến phát âm ĐÚNG**

<b>o</b> ∩ <b>ánh</b>	= <b>oánh</b>
<b>o</b> ∩ <b>ành</b>	= <b>oành</b>
<b>o</b> ∩ <b>ạnh</b>	= <b>oạnh</b>
<b>o</b> ∩ <b>anh</b>	= <b>oanh</b>
<b>y</b> ∩ <b>ến</b>	= <b>yến</b>
<b>y</b> ∩ <b>ẽn</b>	= <b>yẽn</b>
<b>y</b> ∩ <b>ết</b>	= <b>yết</b>
<b>u</b> ∩ <b>ẩն</b>	= <b>uẩń</b>
<b>u</b> ∩ <b>ận</b>	= <b>uận</b>
<b>o</b> ∩ <b>é</b>	= <b>oé</b>

### Dấu giọng đặt không đúng chỗ

**Hai âm giao nhau không hợp lý  
dẫn đến phát âm KHÔNG ĐÚNG**

<b>ó</b> ∩ <b>anh</b>	≠ <b>oánh</b>
<b>ò</b> ∩ <b>anh</b>	≠ <b>oành</b>
<b>ọ</b> ∩ <b>anh</b>	≠ <b>oạnh</b>
<b>ó</b> ∩ <b>anh</b>	≠ <b>oanh</b>
<b>ý</b> ∩ <b>ến</b>	≠ <b>yến</b>
<b>ý</b> ∩ <b>ẽn</b>	≠ <b>yẽn</b>
<b>ý</b> ∩ <b>ết</b>	≠ <b>yết</b>
<b>ủ</b> ∩ <b>ân</b>	≠ <b>uẩń</b>
<b>ụ</b> ∩ <b>ân</b>	≠ <b>uận</b>
<b>ó</b> ∩ <b>e</b>	≠ <b>oé</b>

### Dấu giọng

**được đặt hợp lý,  
tại nguyên âm**

## Đặt dấu giọng hợp lý cho chữ chiếc bắt đầu bằng phụ âm

Theo nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ,  
**một chữ quốc ngữ = phụ âm + âm gốc.**

Đối với những chữ chiếc bắt đầu bằng *phụ âm*, khi ráp phụ âm với âm gốc, *dấu giọng* của âm gốc vẫn được giữ nguyên.

Ví dụ

ng	+	oanh	=	ngoanh
l	+	uận	=	luận
ch	+	oe	=	choé

Trường hợp các âm gốc có **3 nguyên âm**, trắc nghiệm cũng cho thấy *dấu giọng* được đặt ở nguyên âm cuối cùng.

Ví dụ

u ∩ yĕn	=	uyĕn	$\check{u} \cap \text{yên} \neq \text{uyĕn}$
u ∩ yết	=	uyết	$\check{u} \cap \text{yết} \neq \text{uyết.}$

Khi một phụ âm ráp với một âm gốc có 3 nguyên âm, *dấu giọng* của âm gốc vẫn được giữ nguyên.

Ví dụ

ng	+	uyĕn	=	nguyĕn
t	+	uyết	=	tuyết.

Đến đây, người ta thấy rằng, đối với hầu hết chữ quốc ngữ, *dấu giọng* đặt ở nguyên âm cuối cùng.

## Khảo sát chữ ẠI

Làm hai trắc nghiệm sau đây:

- (1)     a ∩ i
- (2)     a ∩ i

Người ta nhận thấy cách phát âm (2) của chữ **ại** đúng với cách phát âm của Người Việt, hơn là âm **aị**, theo cách phát âm (1). Từ đó, âm gốc **oại** được viết đúng, sẽ là **oại**, không phải **oai**. Và, kết quả là,

- hoại       viết là    hoại,       không phải       hoai
- toai        “           toại,        “           toai
- thoại       “           thoại,        “           thoai
- ngoại       “           ngoại,        “           ngoaị

### Kết quả khảo sát

1

*Đối với hầu hết chữ quốc ngữ, dấu giọng đặt ở nguyên âm cuối cùng.*

2

*Vẫn có một ít chữ quốc ngữ, dấu giọng đặt ở nguyên âm đầu hay nguyên âm giữa.*

Thực tế, khi viết chữ quốc ngữ, Người Việt không cần thiết đặt dấu giọng ở nguyên âm cuối cùng, mà có thể đặt ở nguyên âm đầu hoặc nguyên âm giữa, để tạo cân đối cho hình thức chữ viết, và trông đẹp mắt hơn. **Đó là cách đánh dấu giọng theo thẩm mỹ.**

*Có thể nói, trong chữ quốc ngữ, chỗ đặt dấu giọng không có tầm quan trọng; dù cho dấu giọng được đặt ở nguyên âm nào, Người Việt vẫn đọc đúng chữ quốc ngữ.*

## 8.6 Người Việt phát âm Tiếng Việt

### 1 Giai đoạn từ 1975 về trước

Sau cuộc Nam Tiến, Nước Việt Nam có hình Chữ S, gập ống và dài, từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau, như ngày nay.

Cho đến trước 1975, Người Việt phát âm Tiếng Việt bằng 3 giọng khác nhau,

- *giọng Hà Nội* (Miền Bắc, nói chung)
- *giọng Huế* (Miền Trung, nói chung)
- *giọng Sài Gòn* (Miền Nam, nói chung)

Trước 1975, rất ít có di chuyển của dân gian ở 3 miền, vì các lý do:

(1) Việt Nam còn là một nước nông nghiệp (nông dân chiếm khoảng 80% dân số). Trong một nước nông nghiệp, dân gian Việt Nam sống gắn bó với mảnh đất chôn nhau cất rún, tức ngôi làng thân yêu của họ, và đất đai canh tác của họ. Nếu, vì lý do nào đó, phải rời bỏ ngôi làng và mảnh đất canh tác muôn đời của mình, đó là nỗi buồn thương lớn nhất của Người Việt.

(2) Bởi lý do lịch sử, lãnh thổ Việt Nam bị chia đôi, từ 1954.

(3) *Dời sống chậm*, ít di chuyển, đó là đặc tính của một nước nghèo nàn và lạc hậu.

Bởi các lý do trên, dân gian ở đâu thì ở yên đó, Người Việt vẫn phát âm Tiếng Việt theo 3 giọng khác nhau.

### 2 Giai đoạn từ 1975 về sau

Từ sau 1975, ngoài hai triệu Người Việt rời bỏ quê hương, ra đi lang thang trên khắp Trái Đất, người dân trong nước di chuyển nhiều, giữa các miền. Song song với kinh tế nông nghiệp, còn có *kinh tế làm công* (cung cấp nhân công, để sản xuất các sản phẩm từ thiết kế và nguyên liệu của các nước đã tiến đến nền *kinh tế sáng tạo*). Nền kinh tế làm công đã tạo ra di chuyển của dân gian từ làng quê ra đô thị, từ vùng này sang vùng khác, và từ miền này đến miền kia.

Từ cuối Thế Kỷ 20, tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã đưa con người trên khắp Trái Đất sang một trang mới của lịch sử: *dời sống nhanh, dời sống của tốc độ*. Di chuyển nhiều, và đều khắp lãnh thổ, của người dân trong nước, tạo ra sự pha trộn trong đời sống của dân gian ở 3 miền. Theo thời gian, pha trộn trong đời sống của dân gian đã dẫn đến hiện tượng pha trộn trong cách phát âm Tiếng Việt. Đó là một hiện tượng tự nhiên.

Trong vài thế hệ nữa, sẽ là giọng pha trộn trong cách phát âm của Người Việt. *Ghi lại và lưu giữ 3 giọng, thuần Hà Nội, thuần Huế, và thuần Sài Gòn, có ý nghĩa lịch sử của ngôn ngữ Việt Nam.*

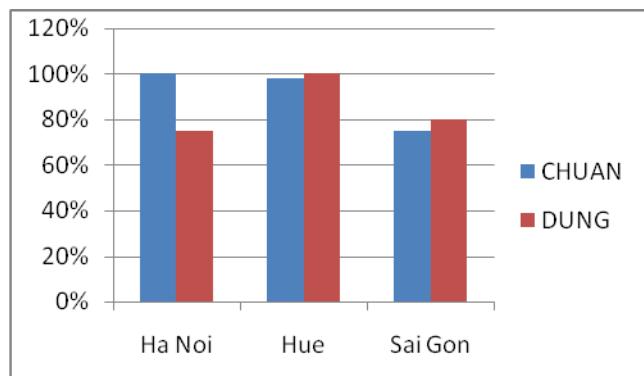
### 3 Phát âm Chuẩn và phát âm Đúng

	CHUẨN	ĐÚNG
<b>Giọng Hà Nội</b>	<p><i>Phát âm chuẩn nhất trong 3 giọng</i></p> <p>Phân biệt cách phát âm chữ cái cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ I ≠ Y                      (<i>nai</i> ≠ <i>nay</i>,                                     <i>lí</i> ≠ <i>lý</i>)</li> <li>◆ C ≠ T                      (<i>các</i> ≠ <i>cát</i>)</li> <li>◆ N ≠ NG                    (<i>ngan</i> ≠ <i>ngang</i>)</li> <li>◆ N ≠ NH                    (<i>lên</i> ≠ <i>lệnh</i>)</li> </ul> <p>Phân biệt cách phát âm các âm gốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ UI ≠ UÔI                (<i>ngui</i> ≠ <i>người</i>)</li> <li>◆ IU ≠ IÊU                (<i>chiu</i> ≠ <i>chiều</i>)</li> <li>◆ IM ≠ IÊM                (<i>lim</i> ≠ <i>liêm</i>)</li> <li>◆ AO ≠ AU                (<i>cao</i> ≠ <i>cau</i>)</li> <li>◆ ONG ≠ ÔNG             (<i>trong</i> ≠ <i>trông</i>)</li> </ul> <p>Phân biệt cách phát âm các dấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• dấu ~ :                <i>dài</i> và <i>nặng</i></li> <li>• dấu ẹ :                <i>ngắn</i> và <i>nhẹ</i></li> </ul>	<p><i>Phát âm không đúng, như sau</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ S ≈ X                      (<i>sài</i> ≈ <i>xài</i>)</li> <li>◆ TR ≈ CH                (<i>tra</i> ≈ <i>cha</i>)</li> <li>◆ TR ≈ GI                (<i>trời</i> ≈ <i>giờ</i>)</li> <li>◆ L ≈ NH                    (<i>lõ</i> ≈ <i>nhõ</i>)</li> <li>◆ L ≈ N                    (<i>lo</i> ≈ <i>no</i>)</li> <li>◆ N ≈ L                    (<i>Hà Nội</i> ≈ <i>Hà Lội</i>)</li> <li>◆ A ≈ Â                    (<i>bày</i> ≈ <i>bầy</i>)</li> </ul>
<b>Giọng Huế</b>	<p><i>Phát âm khá chuẩn, như giọng Hà Nội</i></p> <p>Đôi khi, không phân biệt cách phát âm chữ cái cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ N ≈ NG                    (<i>oan</i> ≈ <i>oang</i>)</li> </ul>	<p><i>Phát âm đúng nhất trong 3 giọng</i></p> <p>Đôi khi,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ NH ≈ D                    (<i>nhung</i> ≈ <i>dung</i>)</li> </ul>
<b>Giọng Sài Gòn</b>	<p><i>Phát âm út chuẩn nhất trong 3 giọng</i></p> <p>Không phân biệt cách phát âm chữ cái cuối, âm gốc, và các dấu ~ và ẹ.</p>	<p><i>Phát âm không đúng, như sau</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ V ≈ Y (của Tiếng Anh)                                     (<i>vui vẻ</i> ≈ <i>yui yê</i>)</li> <li>      hay V ≈ BY                (<i>về</i> ≈ <i>byê</i>)</li> <li>◆ D ≈ Y (của Tiếng Anh)                                     (<i>dê</i> <i>dàng</i> ≈ <i>yê</i> <i>yàng</i>)</li> </ul>

▲ Kèm theo cuốn sách này, CD2 ghi lại 3 giọng, Hà Nội, Huế, và Sài Gòn.

- **Giọng Hà Nội của Ái Vân**  
Thơ Nguyễn Nhược Pháp. *Em đi Chùa Hương*
- **Giọng Huế của Tôn Nữ Lê Ba**  
Thơ Nguyễ Du. *Kiều ở Sông Tiền Đường*
- **Giọng Sài Gòn của Liêu Nguyệt Lan**  
Dân ca Miền Nam. *Hò Đồng Tháp & Lý Chiêu Chiêu*

### Ước lượng độ CHUẨN và độ ĐÚNG trong cách phát âm Tiếng Việt



#### Ghi chú

- Khảo sát ở trên cho thấy, giọng Huế là **tiêu biểu** cho cách phát âm Tiếng Việt.
- Giọng Hà Nội phát âm **chuẩn nhất**, nhưng phát âm **không đúng** khá nhiều chữ.
- Trong cuộc Nam Tiến, dân gian Miền Nam (hầu hết di cư từ Miền Trung), chịu ảnh hưởng bởi địa lý của vùng đất mới, và tiếp xúc với ngôn ngữ của dân tộc Champa (Phan Rang), và dân tộc Cambodia (Sóc Trăng, Bặc Liêu), nên cách phát âm Tiếng Việt không còn giữ được nguyên gốc. Ảnh hưởng này cắc nghĩa tại sao cách phát âm Tiếng Việt của dân gian Miền Nam **ít chuẩn nhất**.

## 8.7      Làm nghèo Tiếng Việt

Thời kỳ trước 1975 tại Miền Nam, và hiện nay tại Việt Nam nói chung, người ta đã có ý định thay đổi cách viết chữ quốc ngữ, như sau:

- chỉ dùng nguyên âm i, nghĩa là không dùng cả hai nguyên âm i và y;
- chỉ dùng dấu ؐ, nghĩa là không dùng cả hai dấu ؐ và dấu ~.

Đi xa hơn nữa, trong *Văn phạm Việt Nam*, bản in lần 2 năm 1966, Bùi Đức Tịnh viết, “Trong chính tả thường có rất nhiều tự mẫu\* hoàn toàn không liên hệ gì đến âm thanh của tiếng.”

\* tự mẫu = chữ cái.

Như vậy, một số người cho rằng chữ cái y là “thừa,” dấu ~ là “thừa,” và Bùi Đức Tịnh cho rằng *nhiều chữ cái* là “thừa” trong chữ quốc ngữ.

### Không có cái gì là thừa trong chữ quốc ngữ

Các giáo sĩ Âu Châu, những người sáng tạo chữ quốc ngữ, đã khảo sát kỹ cách phát âm chuẩn xác và tinh tế của dân gian Miền Bắc, khi dùng các chữ cái và các dấu ؐ và ~ để viết chữ quốc ngữ hiện nay.

Chữ cái đầu	Chữ cái cuối	Âm gốc	Dấu giọng	Phát âm khác nhau	Ví dụ
i ≠ y				ngắn và nhẹ ≠ dài và nặng	lí luận ≠ lý luận
t ≠ c				ngắn và nhẹ ≠ dài và nặng	cát ≠ các
n ≠ ng				ngắn và nhẹ ≠ dài và nặng	đan ≠ dang
	ui ≠ uôi			ngắn và nhẹ ≠ dài và nặng	cúi ≠ cuối
	im ≠ iêm			ngắn ≠ dài	lim ≠ liêm
	ăm ≠ âm			nhe ≠ nặng	tăm ≠ tấm
	ong ≠ ông			nhe ≠ nặng	đong ≠ đồng
c ≠ k				nhe ≠ nặng	ca ≠ ke
			ؐ ≠ ~	ngắn và nhẹ ≠ dài và nặng	tả ≠ tā

Bảng tóm tắt này cho thấy *chữ viết khác nhau dẫn đến cách phát âm khác nhau*, và mang những ý nghĩa khác nhau. Hãy nghe dân gian Miền Bắc, phát âm Tiếng Việt rất chuẩn xác và có sự phân biệt rất tinh tế, để nhận ra cách phát âm khác nhau của những chữ viết khác nhau. Sáng tạo chữ quốc ngữ, các giáo sĩ Âu Châu không phải vô lý, khi dùng cả I và Y, cả DẤU HỎI và DẤU NGÃ, để diễn tả cách phát âm trong tiếng nói của Người Việt.

Chữ viết khác nhau	$\Rightarrow$	Phát âm khác nhau
lí	$\neq$	lý
bát	$\neq$	bạ́c
dân	$\neq$	dậng
cúi	$\neq$	cụ́i
lim	$\neq$	liệm
học	$\neq$	họ́c
cà	$\neq$	cạ́
tả	$\neq$	tậ
		(lí phát âm nặng và dài hơn lý)
		bạ́t < bạ́c
		dận < dậng
		cụ́i < cụ́i
		liệm < liệm
		họ́c < họ́c
		cạ́ < kè
		tậ < tậ
		(lí phát âm ngắn và nhẹ hơn ~)

Chữ Nôm và chữ quốc ngữ đều là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt. Trong khi Chữ Nôm không thể hiện cách phát âm tinh tế của Người Việt, chữ quốc ngữ đã làm được việc này. Không phải vô lý, khi sáng tạo chữ quốc ngữ, các giáo sĩ Âu Châu đã:

- dùng cả *i* và *y*;
- dùng cả *t* và *c*; cả *c* và *k*; cả *n*, *ng* và *ngh*;
- dùng cả *ui* và *uôi*, cả *o* và *ô*, hoặc cả *im* và *iêm* ...
- dùng cả hai dấu *ា* và *~*.

Kinh nghiệm cho thấy, dân gian Miền Bắc phát âm Tiếng Việt rất chuẩn xác và tinh tế, do đó, họ viết chính tả đúng một cách tự nhiên, nghĩa là không cần suy nghĩ. Dân gian Miền Nam phát âm Tiếng Việt không chuẩn xác, nên hầu hết viết sai chính tả, ngoại trừ những người chung dung với chữ nghĩa hằng ngày, như nhà giáo, nhà báo, nhà làm luật, và các văn nghệ sĩ; những người này viết đúng chính tả là do họ học thuộc lòng, lâu ngày thành thói quen, chứ không phải do họ nhận ra cách phát âm rất tinh tế của Tiếng Việt.

Nói tóm lại, chủ trương

- (1) chỉ dùng một chữ *i* hoặc chỉ dùng một dấu *ា*,
- (2) cho rằng có những chữ cái là “thừa,” như Bùi Đức Tịnh,

cho thấy sự thiếu hiểu biết về cách phát âm tinh tế của Tiếng Việt. Các chủ trương này làm cho chữ quốc ngữ bị quê chưn cụt tay, và sẽ thiếu chữ để gọi tên những vật chất và những ý niệm khác nhau. Đó là một cách phá hỏng và làm nghèo Tiếng Việt, cũng như làm mất đi sự tinh tế trong cách phát âm của Tiếng Việt.

**Ghi chú** ■ Bùi Đức Tịnh cho rằng, có những chữ cái là “thừa” trong chữ quốc ngữ, điều này có thể hiểu được, vì ông sanh ra và sống ở Miền Nam, nên không nhận ra cách phát âm rất tinh tế của Tiếng Việt.

- Những nhà ngôn ngữ học cộng sản, bỏ chữ cái *Y* để chỉ dùng chữ cái *I*, cho thấy họ, sống giữa Hà Nội, lại thiếu hiểu biết đến nỗi không nhận ra sự khác nhau trong cách phát âm rất tinh tế của Tiếng Việt:

*y ≠ i*  $\Rightarrow$  *lý ≠ lí*, *kỷ ≠ kỉ*, *mỹ ≠ mĩ*, *thúy ≠ thúí* ...

## 8.8 Vài dòng về chữ quốc ngữ

### Nguồn gốc chữ quốc ngữ

**1**

#### Các giáo sĩ Âu Châu đến Việt Nam

Từ Thế Kỷ 16, đã có các giáo sĩ Âu Châu đến Việt Nam để truyền đạo Thiên Chúa La Mã, nhưng tới Thế Kỷ 17 thì các giáo sĩ mới ở lại hẳn tại Việt Nam.

Giáo Đoàn Đàng Trong do Giáo Sĩ Francesco Busomi lập ra năm 1615, và Giáo Đoàn Đàng Ngoài do Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes lập ra năm 1627.

Các giáo sĩ Âu Châu sang truyền đạo tại Việt Nam, hoặc thuộc Dòng Tên (Ordre des Jésuites), lập ra năm 1534, hoặc thuộc Hội Truyền Giáo Ngoại Quốc (Société des Missions Étrangères), lập ra ở Paris năm 1663. Các giáo sĩ này là người của nhiều nước: Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ý ...

**2**

#### Sáng tạo chữ quốc ngữ

Thời kỳ đó, chữ viết của Người Việt là Chữ Hán và Chữ Nôm, một biến thể của Chữ Hán, để ghi âm tiếng nói của Người Việt. Nhận thấy cả hai loại chữ này đều khó học và khó viết, và hầu hết dân gian Việt Nam đều mù chữ, các giáo sĩ đã dùng các chữ cái La Tinh để sáng tạo một loại chữ mới, là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt, nhưng dễ học và dễ viết hơn Chữ Nôm. Đó là *chữ quốc ngữ*. Buổi đầu, chữ quốc ngữ chỉ dùng để dịch thánh kinh, và viết sách đạo cho nhu cầu truyền giáo của các giáo sĩ Âu Châu.

**3**

#### Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes (1591-1660)

Sáng tạo chữ quốc ngữ là công trình của một số giáo sĩ Bồ Đào Nha, Pháp, Tây Ban Nha ... Nhưng, người có công lớn nhất trong công trình đó, là Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes. Ông là người đầu tiên đem in những sách viết bằng chữ quốc ngữ, đặc biệt là cuốn *Dictionarivm annamiticvm lvsitanvm, et latinvm ope* (*Từ Điển An Nam-Bồ Đào Nha-La Tinh*), năm 1651 tại La Mã, đặt nền tảng cho việc học và nghiên cứu chữ quốc ngữ cho những người kế tục công việc phát triển và phổ biến chữ quốc ngữ sau này.

Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes là Người Pháp, và thuộc Dòng Tên. Cuối năm 1621, ông được cử sang Việt Nam, trong Giáo Đoàn Đàng Trong.

Ông học Tiếng Việt trong sáu tháng, và nói được khá rành rẽ. Vì vậy, ông được cử ra Đàng Ngoài (Miền Bắc) để lập một giáo đoàn mới, Giáo Đoàn Đàng Ngoài. Ông ở Đàng Ngoài được hơn ba năm, từ 1627 đến 1630.

Sau, ông bị Chúa Trịnh Tráng đuổi. Ông sang Macao, nhưng hễ có dịp, ông lại trở lại Việt Nam. Năm 1645, ông rời Việt Nam trở về Âu Châu.

Trong hơn bảy năm ở Việt Nam, Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes đã nghiên cứu phong tục và lịch sử Người Việt khá am tường. Ông đã viết nhiều cuốn sách có giá trị:

- |   |                            |  |
|---|----------------------------|--|
| 1 | <i>Lịch Sử Bắc Kỳ</i>      | viết bằng Chữ La Tinh, và được dịch ra Chữ Pháp; |
| 2 | <i>Tự Điển Việt-Bồ-La</i>  | cuốn tự điển đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ;    |
| 3 | <i>Phép Giảng Tám Ngày</i> | viết bằng chữ quốc ngữ.                          |

#### 4

#### Cuốn tự điển chữ quốc ngữ đầu tiên, 1651

Cuốn tự điển của Alexandre de Rhodes, nhan đề *Dictionarivm Annamiticvm, Lusitanvm, et Latinvm (Tự Điển An Nam, Bồ Đào Nha, và La Tinh)*, in tại Rome năm 1651, là cuốn tự điển viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên, còn lưu lại đến ngày nay. Để in cuốn tự điển này, nhà in của Giáo Hội La Mã đã đúc chữ quốc ngữ lần đầu tiên. Theo bài tựa, tác giả cho biết đã tham khảo các cuốn sách sau đây:

- *Tự Vụng An Nam-Bồ Đào Nha*  
của Giáo Sĩ Gaspar de Amaral, Người Bồ Đào Nha,
- *Tự Vụng Bồ Đào Nha-An Nam*  
của Giáo Sĩ Antoine de Barbosa, Người Bồ Đào Nha.

Hai cuốn tự điển này đều là sách chép tay, và hiện nay không còn tìm thấy.

Cuốn tự điển của Alexandre de Rhodes, không chỉ là một tài liệu để khảo cứu về âm, vần, và cách viết chữ quốc ngữ vào nửa đầu Thế Kỷ 17, mà còn là một tài liệu lịch sử vô giá cho các nhà ngữ học, và những người biên soạn tự điển sau này.

#### Phát triển chữ quốc ngữ

#### 5

#### Chữ quốc ngữ được điều chỉnh theo thời gian

So sánh chữ quốc ngữ trong tự điển đầu tiên của Alexandre de Rhodes, và chữ quốc ngữ ngày nay, người ta biết được sự phát triển của chữ quốc ngữ trong hơn ba thế kỷ. Sau đây là bảng so sánh chữ quốc ngữ trong tự điển của Alexandre de Rhodes, vào nửa đầu Thế Kỷ 17, với chữ quốc ngữ ngày nay.

Nửa đầu Thế Kỷ 17	Hiện nay	Ví dụ
b	v <sup>(1)</sup>	<b>bu</b> a = vua, <b>bó ngựa</b> = vó ngựa
d	nh <sup>(2)</sup>	<b>dè dẹ</b> = nhè nhẹ
bl	gi/ l/ tr	<b>blá ơn</b> = giả ơn, <b>blúc blác</b> = lúc lắc, <b>blời</b> = trời
ml, mnh	l, nh	<b>mlē</b> = lě, <b>mnhởi</b> = nhởi
tl	tr	<b>ăn tlộm</b> = ăn trộm, <b>con tlâu</b> = con trâu
aõ	ong	<b>saõ</b> = song
âc	ôc <sup>(3)</sup>	<b>quắc</b> = quốc
oũ	ông	<b>coũ</b> = công
ü	ung	<b>cũ</b> = cung
uân	uôn	<b>muán</b> = muốn
uâng	uông	<b>huâng</b> = huống
uâng	ương	<b>tuâng</b> = tuồng.

**Ghi chú**

- (1) Dân gian Miền Nam phát âm chữ *vua* tương tự như *bu*a:  $V \approx BV$   
(2) Dân gian Miền Trung phát âm chữ *nhè nhẹ* tương tự như *dè dẹ*:  $NH \approx D$   
(3) Dân gian Miền Nam phát âm chữ *quốc* tương tự như *quắc*:  $\hat{O} \approx \hat{A}$

Việc phát triển và hoàn thiện chữ quốc ngữ có thể đã xảy ra như sau.

Khi đến Việt Nam, các giáo sĩ truyền đạo ở miền nào, hay địa phương nào, thì chỉ nghe cách phát âm của miền đó, hay của địa phương đó. Về sau, khi đã đi khắp ba miền của đất nước Việt Nam, các giáo sĩ mới nhận thấy rằng, tuy Tiếng Việt là thống nhất trên toàn cõi Việt Nam, nhưng dân gian ba miền có cách phát âm tương đối khác biệt nhau. Do đó, các giáo sĩ đã điều chỉnh một số phụ âm và nguyên âm cho hợp lý, thống nhất, và chính xác, như chữ quốc ngữ ngày nay.

**6****Đóng góp của Giáo Sĩ Jean-Louis Taberd (1794-1840) vào đầu Thế Kỷ 19**

Năm 1838, Giáo Sĩ Taberd biên soạn cuốn *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng* (*Dictionarium Annamitico-Latinum*), trong đó mỗi Tiếng Việt đều có kèm Chữ Nôm. Cách viết chữ quốc ngữ trong cuốn *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng* của Taberd gần giống như cách viết chữ quốc ngữ ngày nay. Cuốn tự điển của Taberd là một tài liệu tham khảo gốc, cho những người biên soạn tự điển sau này.

Như vậy là gần 200 năm sau khi cuốn tự điển đầu tiên của Alexandre de Rhodes ra đời, chữ quốc ngữ trong cuốn tự vựng của Taberd đã được hoàn thiện gần giống như chữ quốc ngữ ngày nay.

7

### **Đóng góp của Huỳnh Tịnh Của và Trương Vĩnh Ký**

Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) viết cuốn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, được in năm 1895, bằng chữ quốc ngữ, khoảng 50,000 đến 60,000 chữ các loại – chiếc và đôi – gồm có Chữ Việt thuần và Chữ Hán Việt. Đây là cuốn tự điển Việt Nam đầu tiên được viết rất công phu, có in Chữ Nôm và Chữ Hán kèm theo Chữ Việt thuần và Chữ Hán Việt. Có thể gọi đó là tự điển *Hán-Nôm-Quốc Ngữ*.

Trương Vĩnh Ký (1837-1898) viết *Grammaire de la langue annamite* (1883) và *Petit dictionnaire français annamite* (1884), và là người đầu tiên đã phiên âm tác phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều)* từ Chữ Nôm ra chữ quốc ngữ (1875), nhờ đó, số đông dân gian đọc được tác phẩm này của Nguyễn Du, vì số người biết Chữ Nôm không đáng kể.

Ngoài ra, có thể kể một số tác phẩm khác, viết bằng chữ quốc ngữ, của hai tác giả này:

#### Trương Vĩnh Ký

- <i>Chuyện đời xưa</i>	1866
- <i>Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi</i>	1881
- <i>Chuyện khôi hài</i>	1882
- <i>Thông loại khóa trình</i>	1888-1889

#### Huỳnh Tịnh Của

- <i>Chuyện giải buồn</i>	1880
- <i>Chuyện giải buồn, cuốn sau</i>	1885
- <i>Tục ngữ, cỗ ngữ, gia ngôn</i>	1896

### **Chữ quốc ngữ trở thành chữ viết chánh thức của Việt Nam**

Được sáng tạo từ cuối Thế Kỷ 17, chữ quốc ngữ phải trải qua giai đoạn phát triển trải dài suốt hai thế kỷ. Đến cuối Thế Kỷ 19, chữ quốc ngữ mới được hoàn thiện. Buổi đầu, chữ quốc ngữ chỉ được dùng trong việc truyền đạo Thiên Chúa La Mã, nhưng chưa được phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp xã hội Việt Nam.

Năm 1882, chánh quyền thuộc địa Pháp chánh thức cho dùng chữ quốc ngữ trên các văn thư hành chính, và giảng dạy tại các trường học ở Nam Kỳ. Khi các khoa thi Hán học được bãi bỏ ở Bắc Kỳ năm 1915, và ở Trung Kỳ năm 1919, chữ quốc ngữ mới được phổ biến khắp Việt Nam.

Tuy được chánh thức dùng, nhưng vào đầu Thế Kỷ 20, chữ quốc ngữ vẫn chưa lan rộng trong dân gian, và còn rất nhiều người chưa biết chữ quốc ngữ. Thấy loại chữ mới này dễ học và dễ viết so với Chữ Hán và Chữ Nôm, Người Việt đã tổ chức các hội dân gian để cổ động và truyền bá chữ quốc ngữ trong dân gian từ Nam đến Bắc. Cùng lúc, ra đời của báo chí và Văn Học Chữ Quốc Ngữ đã cho thấy hiệu quả và sức mạnh của chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ đã đẩy lùi Chữ Hán và Chữ Nôm vào quá khứ, và trở thành chữ viết chánh thức của Việt Nam.

Chữ Nôm là phó sản của Chữ Hán. Ngày xưa, Người Việt cần nhiều năm để học viết Chữ Hán và Chữ Nôm; ngày nay, trẻ con Lớp Một hay người lớn tuổi chỉ cần từ sáu tháng đến một năm, để có thể viết và đọc chữ quốc ngữ. Thuở Hán Nôm, người biết chữ rất hiếm hoi; hầu hết dân gian đều mù chữ; chỉ có các sĩ phu mới có sách vở, và sách vở được đọc trang trọng trong các thư phòng. Ngày nay, với chữ quốc ngữ, người phu quét đường cũng có thể dừng chân để đọc báo bên vỉa hè hay dưới bóng cây.

Có thể nói, chữ quốc ngữ là quà tặng vô giá của Âu Châu dành cho dân tộc Việt Nam. Chữ quốc ngữ là cái may mắn ngàn năm một thuở của dân tộc Việt Nam, một dân tộc trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, đã không có chữ viết hoàn toàn riêng. Chữ Nôm là chữ viết riêng đầu tiên của Người Việt; tuy nhiên, muốn học Chữ Nôm, phải vòng qua Chữ Hán. Trong khi đó, Người Việt có thể học thẳng chữ quốc ngữ.

## Báo chí và Văn Học Chữ Quốc Ngữ

Thời kỳ Chữ Nôm, Việt Nam không có báo chí, vì số người biết chữ quá ít. Ra đời của chữ quốc ngữ, với nhiều người biết chữ, đã kéo theo sự ra đời của báo chí. Ngược lại, báo chí góp phần phát triển, phổ biến chữ quốc ngữ, và từ từ làm giảm sự khác biệt về chữ nghĩa giữa các miền.

### Thời kỳ mở đường

Những tờ báo mở đường trong buổi đầu:

Miền Nam	<i>Gia Định Báo</i>	1869
	<i>Nông Cổ Mín Đàm</i>	1905
	<i>Nhật Báo Tỉnh</i>	1905
Miền Bắc	<i>Dại Việt Tân Báo</i>	1905
	<i>Đảng Cổ Tùng Báo</i>	1907

Nối tiếp các tờ báo mở đường:

<i>Lục Tỉnh Tân Văn</i>	1910
<i>Trung Bắc Tân Văn</i>	1915
<i>Thực Nghiệp Dân Báo</i>	1920
<i>Trung Lập Báo</i>	1923
<i>Tiếng Dân</i>	1927

Các tạp chí mở đường:

<i>Đông Dương Tạp Chí</i>	1913
<i>Nam Phong Tạp Chí</i>	1917
<i>Dại Việt Tạp Chí</i>	1918
<i>Hữu Thanh Tạp Chí</i>	1921
<i>An Nam Tạp Chí</i>	1926

Các tạp chí chuyên môn:

<i>Học Báo</i>	1919	sư phạm
<i>Vệ Sinh Báo</i>	1926	y học
<i>Phụ Nữ Tân Văn</i>	1929	phụ nữ
<i>Phụ Nữ Thời Đàm</i>	1930	"
<i>Khoa Học Tạp Chí</i>	1931	khoa học
<i>Pháp Viện Báo</i>	1931	pháp luật
<i>Văn Học Tạp Chí</i>	1932	văn học
<i>Chớp Bóng</i>	1932	nghệ thuật thứ bảy
<i>Vệ Nông Báo</i>	1932	canh nông
<i>Phụ Nữ Tân Tiến</i>	1932	phụ nữ
<i>Phong Hóa</i>	1932	trào phúng
<i>Loa</i>	1934	"
<i>Bảo An Y Báo</i>	1934	y học

Trong thời kỳ mở đường, báo chí hướng về văn chương, biên khảo, và bình luận.

### Thời kỳ chánh thức

Từ năm 1935, Người Pháp bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí chữ quốc ngữ. Báo chí ngày càng nhiều. Đây là thời kỳ báo chí đã làm đúng vai trò chính của nó: *thông tin và bình luận thời sự*.

Vài tờ báo đầu tiên của thời kỳ chánh thức:

<i>Ngày Nay</i>	1935
<i>Nam Cường</i>	1938
<i>Tin Tức</i>	1938
<i>Cấp Tiến</i>	1938

Hai nhà báo nổi bật và có công trong buổi đầu của báo chí viết bằng chữ quốc ngữ, và Văn Học Chữ Quốc Ngữ, là Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh.

Nguyễn Văn Vĩnh là chủ bút của *Dông Dương Tạp Chí* năm 1915, và là chủ nhiệm từ năm 1919 của *Trung Bắc Tân Văn*, tờ báo hằng ngày, có nhiều người đọc ở Miền Bắc. Với các tác phẩm đủ thể loại, dịch từ văn học Pháp, Nguyễn Văn Vĩnh đã đưa lối văn trực tiếp, ngắn gọn, giản dị, tự nhiên, và dễ hiểu, vào văn học Việt Nam để thay cho lối văn cầu kỳ, chịu ảnh hưởng của Tàu. Bởi vậy, các tác phẩm dịch của Nguyễn Văn Vĩnh đã phổ biến rộng trong dân gian.

Phạm Quỳnh, chủ bút của *Nam Phong Tạp Chí*, là người đã có công đưa khá nhiều hạng từ triết học, khoa học, nghệ thuật . . . mượn từ Chữ Hán, vào việc phổ biến các kiến thức phổ thông về học thuật Âu Á. Các bài viết của Phạm Quỳnh có tính chất nghiên cứu của một học giả hơn là một nhà báo, nên chỉ có thể đến với một số người đọc nào đó, nghĩa là không phổ biến rộng rãi trong dân gian.

Bằng chữ quốc ngữ, *Nam Phong Tạp Chí* và *Dông Dương Tạp Chí* có nhiều người đọc từ Bắc đến Nam, và do đó, đã có ảnh hưởng lớn trong việc mở rộng dân trí và thu hẹp sự khác biệt chữ nghĩa giữa các miền, điều mà thời kỳ Chữ Hán Nôm đã không làm được, vì không có báo chí.

Thời Hán Nôm, hầu hết dân gian đều mù chữ. Chữ quốc ngữ, với nhiều người biết chữ, đã mở đường cho báo chí tại Việt Nam ra đời sớm.

Về văn học Việt Nam nói chung, chữ quốc ngữ mở đầu cho văn xuôi Việt Nam, vì Văn Học Hán Nôm rất ít văn xuôi. Buổi đầu, Văn Học Chữ Quốc Ngữ đi qua các giai đoạn sau đây:

- Các tác phẩm Chữ Nôm được phiên âm ra chữ quốc ngữ;
- *Truyện Tàu* được dịch ra chữ quốc ngữ;
- Các tác phẩm văn xuôi trước *Tự Lực Văn Đoàn*;
- *Tự Lực Văn Đoàn* ở ngoài Bắc, và *Hồ Biểu Chánh* ở trong Nam.

Có thể nói, Văn Học Hán Nôm nầm im lìm trong các thư phòng nhỏ bé, vì số người biết Chữ Hán Nôm không đáng kể. Chữ quốc ngữ đã đưa Văn Học Chữ Nôm ra ngoài dân gian, sau khi các tác phẩm của nền văn học này được phiên âm ra chữ quốc ngữ. Một trong những kiệt tác bằng Chữ Nôm, *Đoạn Trường Tân Thanh*, cũng gọi là *Truyện Kiều*, của Nguyễn Du, chỉ được dân gian biết đến rất nhiều, sau khi được Trương Vĩnh Ký phiên âm ra chữ quốc ngữ (1875). Ngoài *Truyện Kiều*, dân gian còn được thưởng thức các tác phẩm khác của Văn Học Chữ Nôm, như *Chinh Phụ Ngâm Khúc*, *Cung Oán Ngâm Khúc*. Riêng ở trong Nam, với chữ quốc ngữ, hầu hết dân gian Miền Nam thuộc lòng truyện *Lục Vân Tiên* của người sĩ phu công khai lên tiếng chống lại ách đô hộ của Pháp vào thời kỳ đó, Nguyễn Đình Chiểu.

Các tác phẩm quan trọng của Văn Học Chữ Nôm được phiên âm ra chữ quốc ngữ:

<i>Trinh Thủ</i>	Hồ Huyền Qui
<i>Sái Vãi</i>	Nguyễn Cư Trinh
<i>Chinh Phụ Ngâm</i>	Đoàn Thị Điểm
<i>Cung Oán Ngâm Khúc</i>	Nguyễn Gia Thiều
<i>Hoa Tiên</i>	Nguyễn Huy Tự
<i>Doạn Trường Tân Thanh</i>	Nguyễn Du
<i>Mai Đình Mộng Ký</i>	Nguyễn Huy Hổ
<i>Lục Vân Tiên</i>	Nguyễn Đình Chiểu

Ngoài ra, một số tác phẩm Chữ Nôm đến nay chưa biết tên tác giả:

<i>Trê Cóc</i>
<i>Lục Súc Tranh Công</i>
<i>Phan Trần</i>
<i>Bích Câu Kỳ Ngộ*</i>
<i>Nhi Độ Mai</i>
<i>Bần Nữ Thán</i>

\*Hầu hết các tác phẩm của Văn Học Chữ Nôm lấy đề tài trong sử Tàu và điển cố Tàu. Truyện Bích Câu Kỳ Ngộ là một ngoại lệ, vì đây là một câu chuyện xảy ra ở Miền Bắc, vào đời Nhà Hậu Lê.

Ngoài các tác phẩm kể trên, còn có thêm một số thơ Nôm theo thể Đường luật (ngủ ngôn và thất ngôn), ca trù, hát nói . . . cũng được phiên âm ra chữ quốc ngữ. Số rất đông dân gian làm quen và thường thức các tác phẩm Chữ Nôm của cha ông để lại, không phải từ Chữ Nôm, mà từ chữ quốc ngữ.

Những pho truyện bất hủ của Nước Tàu ngày xưa (*Tây Du Ký*, *Tam Quốc Chí*, *Thủy Hử*, *Chinh Đông*, *Chinh Tây*, *Phong Thân*, *Liêu Trai Chí Dị* . . .) được dịch ra chữ quốc ngữ bằng lối văn giản dị và dễ hiểu, đã làm say mê hầu hết dân gian Việt Nam. Bởi vậy, có thể nói, các bản dịch truyện Tàu đã góp phần đáng kể, làm cho chữ quốc ngữ lan rộng mạnh trong dân gian, từ thành thị đến làng quê.

Kế đến là buổi đầu của văn xuôi chữ quốc ngữ. Ngoài Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của, hai người đã viết truyện bằng chữ quốc ngữ sớm nhất, có thể kể vài người viết truyện hay tiểu thuyết tiếp theo, vào buổi đầu của văn xuôi:

<i>Thầy Lazarô Phiên</i>	1887	Nguyễn Trọng Quán <sup>(1)</sup>
<i>Tiết Phụ Gian Truân</i>	1910	Trương Duy Toản
<i>Hà Hương Phong Nguyệt</i>	1915	Lê Hoằng Muu
<i>Tình Dời Ấm Lạnh</i>	1919	Nguyễn Chánh Sắt
<i>Tố Tâm</i>	1925	Hoàng Ngọc Phách
<i>Quả Dưa Đỏ</i>	1926	Nguyễn Trọng Thuật

### **Ghi chú (1)**

---

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, các nhà viết văn học sử Việt Nam đã viết những điều không đúng về *buổi đầu của văn xuôi chữ quốc ngữ*, và đặc biệt là về nhà văn mở đường của tiểu thuyết Việt Nam.

Hầu hết các quyển văn học sử Việt Nam đều cho rằng Hoàng Ngọc Phách, tác giả cuốn *Tố Tâm*, là người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam. Sự thật, cuốn tiểu thuyết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên, xuất bản năm 1887, là truyện *Thầy Lazarô Phiên* của Nguyễn Trọng Quán, đã có mặt 38 năm trước khi cuốn *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách ra đời.

Nguyễn Trọng Quán, là học trò và sau thành con rể của Trương Vĩnh Ký, có cộng tác với tờ *Gia Định Báo*, tờ báo đóng vai trò mở đường cho phong trào truyền bá Văn Học Chữ Quốc Ngữ tại Việt Nam.

Truyện *Thầy Lazarô Phiên* của Nguyễn Trọng Quán cho thấy tác giả đã sớm chịu nhiều ảnh hưởng của tiểu thuyết Âu Tây. Nội dung của tiểu thuyết có phân tích tâm lý, và mô tả nội tâm, tức là một loại tiểu thuyết tâm lý, khác biệt với truyện Tàu.

Bùi Đức Tịnh là người đầu tiên nhận ra giá trị của truyện *Thầy Lazarô Phiên*, trong quyển *Phần đóng góp của Văn Học Miền Nam, Những bước đầu của báo chí, tiểu thuyết và thơ mới*, xuất bản tại Sài Gòn, Tháng 1/ 1975, nhưng quyển sách này đã chịu chung tình trạng **bị cấm phổ biến**, cùng với tất cả di sản văn hóa của Miền Nam, sau khi Cộng Sản Hà Nội chiếm Miền Nam Ngày 30 Tháng 4 Năm 1975.

Trong tinh thần “*Cửa César trả lại cho César*,” văn học sử Việt Nam phải trả lại vai trò *người mở đường của tiểu thuyết Việt Nam* cho Nguyễn Trọng Quán, một nhà văn từ lâu bị bỏ quên trong văn học sử Việt Nam.

## **Vượt qua Vạn Lý Trường Thành**

Chưa đầy một thế kỷ trôi qua, với chữ quốc ngữ, nền giáo dục tiểu học và trung học tại Việt Nam đã đi bằng đôi hia bảy dặm, nếu so sánh với thời kỳ Chữ Hán Nôm. Có thể nói, nền giáo dục bằng chữ quốc ngữ đã mang lại sức sống mới cho dân tộc Việt Nam.

Ngày xưa, người đi học bằng Chữ Hán Nôm rất hiếm hoi, vì hai thứ chữ này khó viết và khó học, và, muốn biết Chữ Nôm, phải vòng qua Chữ Hán. Bởi số người có học không đáng kể, những người đỗ đạt được dân gian xem như niềm vinh dự quý hiếm của xóm làng: nào là “báu tổ vinh quy,” nào là “võng anh đi trước võng nàng theo sau,” nào là “hai bên có lính hầu đi dẹp đàn” . . .

Thời kỳ Hán Nôm, văn học Việt Nam chỉ nhìn và chỉ thấy một phương: Nước Tàu và văn hóa Tàu. Người ta có thể nói, Văn Học Hán Nôm không nhìn qua khói văn hóa Tàu. Có thể lấy một kiệt tác của Văn Học Hán Nôm, là *Truyện Kiều*, để làm ví dụ. Viết cho dân gian Việt Nam, nhưng Nguyễn Du lại lấy bối cảnh không gian và thời gian từ Nước Tàu. Có bao nhiêu người trong dân gian Việt Nam biết được Gia Tĩnh là ông vua nào, và triều Minh ở vào thế kỷ nào, và sông Tiền Đường là con sông nào ở bên Tàu . . . Để hiểu thật thấu đáo *Truyện Kiều*, hay *Cung Oán Ngâm Khúc*, chẳng hạn, dân gian Việt Nam còn cần phải biết thêm nhiều thành ngữ và điển tích từ văn hóa Tàu. Hãy xem cuốn *Truyện Kiều Chú Giải* của Văn Hạc Lê Văn Hòe: phần chú giải dài hơn bản gốc rất nhiều.

Hiện tượng trên có thể hiểu được, bởi Người Việt phải mượn chữ viết của Tàu, và vì chính sách bế quan tỏa cảng của Việt Nam từ xưa đến nay.

Hôm nay, với chữ quốc ngữ, người ta thấy các tác phẩm của văn học Việt Nam không còn mang hơi hướng của văn hóa Tàu. Từ nửa sau của Thế Kỷ 20, chữ quốc ngữ đã đưa văn học Việt Nam vượt qua *Vạn Lý Trường Thành*, để nhìn ra khắp bốn phương, và Người Việt đã nhìn thấy *Trái Đất Lớn Rộng Của Con Người*, với muôn màu muôn vẻ.

Một trong những đóng góp đáng kể của Văn Học Chữ Quốc Ngữ, mở đầu bằng những tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan . . . ở ngoài Bắc, và của Hồ Biểu Chánh ở trong Nam, là đã vẽ lại bức tranh xã hội u ám đương thời: những quan niệm lỗi thời, những phong tục tập quán hủ lậu từ Nước Tàu, những thói hư tật xấu của Người Việt, thân phận của người đàn bà trong một xã hội trọng nam khinh nữ, ảnh hưởng từ văn hóa Tàu, nạn cường hào ác bá từ thành thị đến làng quê . . . Từ đó, xã hội Việt Nam dần dần thay đổi. Và, đó là điều mà Văn Học Hán Nôm đã không làm, hoặc không làm được.

Bắt đầu từ giai đoạn này, văn xuôi Việt Nam được viết với lối văn ngắn gọn, trực tiếp, giản dị, và dễ hiểu, nghĩa là không còn dấu vết của lối văn biền ngẫu, dài dòng, cầu kỳ, và rườm rà, chịu ảnh hưởng từ văn học Tàu. Từ đó, Văn Học Chữ Quốc Ngữ đã thoát khỏi hẳn cái lồng Hán học kéo dài hàng ngàn năm, để sang một trang mới của văn học Việt Nam.

Có thể nói, hai biến cố lớn nhất trong lịch sử của dân tộc Việt Nam ở Thế Kỷ 20, mà cũng là hai cơ hội ngàn năm một thuở, là

- 1      *Có mặt của chữ quốc ngữ*
- 2      *Ra đi của hơn hai triệu Người Việt, đang lang thang khắp Trái Đất.*

**Chữ quốc ngữ** đã mang lại sức sống mới cho dân tộc Việt Nam, và đã đưa văn học Việt Nam vượt qua Vạn Lý Trường Thành, để nhìn ra thế giới lớn rộng bên ngoài.

Chữ Hán Nôm đã đưa văn học Việt Nam đi lạc sang Tàu; chữ quốc ngữ đã mở đường cho văn học Việt Nam trở về với quê cha đất tổ. Văn Học Hán Nôm nói chuyện bên Tàu; Văn Học Chữ Quốc Ngữ hôm nay nói chuyện quê nhà.

**Ra đi của hơn hai triệu Người Việt**, tuy ngoài ý muốn và đầy nước mắt, là lần đầu tiên, đã phá tung cánh cửa Việt Nam khép kín, bởi chính sách bế quan tỏa cảng từ xa xưa cho đến ngày nay. Ra đi để tận mắt nhìn thế giới bên ngoài, để bảo vệ văn hóa, truyền thống, và những giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, đã và đang bị hủy hoại từng ngày, dưới thời cộng sản tại Việt Nam hiện nay.

Có thể nói, Người Việt ra đi mang theo một phần di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam. Nếu không có cuộc ra đi, di sản văn hóa Việt Nam đã bị mất trăng, như Nước Tàu ngày xưa, dưới thời Tần Thủy Hoàng.

Chữ quốc ngữ cho thấy, một trữ lượng rất lớn những *chữ chờ* để dùng cho ngày mai; cuộc ra đi của hơn hai triệu Người Việt, đang và sẽ tạo nên nguồn tài nguyên chất xám, dự trữ cho một nước Việt Nam tương lai, tự do, pháp trị, dân chủ, và nhân bản, sau khi thời kỳ cộng sản bị xóa bỏ tại Việt Nam.

Đó là hai cơ hội có thể trẻ hóa dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, dân tộc Việt Nam sẽ vươn lên ngang tầm với thế giới tiến bộ hiện nay hay không, là hoàn toàn tùy thuộc vào *con người Việt Nam*. Bởi, yếu tố quan trọng không phải là có chữ viết riêng, ra đi khắp thế giới, và mở cửa buôn bán, mà là mở rộng tầm nhìn, mở rộng suy tư, sống như một dân tộc nhân bản, coi nền giáo dục cao, để nâng cao trình độ dân trí, là sức mạnh thật của một dân tộc, chứ không coi giáo dục là một phương tiện trong chính sách ngu dân, và làm cho dân bị mù óc bằng phản xạ có điều kiện của Petrovich Pavlov, như tập đoàn thống trị của Cộng Sản Việt Nam đang làm. Và, quan trọng hơn hết, *coi công việc nghiên cứu, sáng tạo, phát minh, và khai phá, như một công việc hằng ngày*.

## Chữ quốc ngữ, và nạn khan hiếm chữ

Từ cuối Thế Kỷ 20 đến nay, khối lượng tri thức của con người trên Trái Đất tăng rất nhanh, so với các thế kỷ trước. Việc đặt ra các chữ mới, để gọi tên những vật chất mới và những ý niệm mới, từ kết quả nghiên cứu, phát minh, và sáng tạo của con người, đã không theo kịp đà tăng nhanh của tri thức. Vì thiếu chữ, người ta thường phải nhồi thêm những ý nghĩa mới cho một chữ có sẵn. Nghĩa là, càng ngày càng có nhiều chữ mang nhiều hơn một nghĩa. Đó là hiện tượng *khan hiếm chữ*.

Sau đây là vài ví dụ về nạn khan hiếm chữ.

#### *quá giang*

- Ngày xưa, lúc con người chỉ có đường sông để đi lại bằng ghe xuồng, người ta dùng chữ *quá giang* để chỉ qua sông bằng ghe xuồng.
- Đến khi có đường bộ và xe cộ, để chỉ đi xe từ nơi này đến nơi kia, người ta không tìm ra được một chữ khác, và vẫn dùng chữ *quá giang*.
- Ngày nay, chữ *quá giang* còn có nghĩa là *đi nhờ*, bằng bất cứ phương tiện nào.

#### *bug*

- Chữ *bug* có nghĩa là con bọ hay con rệp.
  - Các máy điện toán thô sơ vào buổi đầu rất cồng kềnh, và phải được đặt trong các gian phòng lớn. Các con bọ hay rệp (*bug*) thường chui vào máy và gây trở ngại cho hoạt động của máy. Ngày nay, người ta dùng chữ *bug* để chỉ:
    - *sự trực trặc hay hư hỏng của máy điện toán*,
    - *lỗi trong chương trình điện toán hoặc trong một hệ thống*,
    - *dụng cụ rất nhỏ để nghe lén*.
  - Ý nghĩa khác của chữ *bug*:
    - *sự nhiễm khuẩn* (y khoa),
    - *làm khó chịu hay phát cáu* (tiếng lóng).
- (Theo đại tự điển VNI)

#### *weight*

- Chữ *weight* có nghĩa là *trọng lượng*.
- Số thập phân 57,034 có thể được viết là:  
 $57,034 = 5(10^4) + 7(10^3) + 0(10^2) + 3(10^1) + 4(10^0)$ .  
 Các số  $10^4, 10^3, 10^2, 10^1, 10^0$ , theo thứ tự, được gọi là các *weights* tương ứng của các số 5, 7, 0, 3, 4 trong hệ thập phân.
- Cho các véc-tơ  $\vec{v}_1, \vec{v}_2, \dots, \vec{v}_p$  trong  $\mathbb{R}^n$ , và cho các đại lượng vô hướng  $c_1, c_2, \dots, c_p$ ,  
 véc-tơ  $\vec{y}$  định nghĩa bởi  

$$\vec{y} = c_1 \vec{v}_1 + \dots + c_p \vec{v}_p$$
 được gọi là một kết hợp thẳng của  $\vec{v}_1, \vec{v}_2, \dots, \vec{v}_p$ , với các *weights*  $c_1, c_2, \dots, c_p$ .
- Trong khoa học không gian, chữ *weight* dùng để chỉ *thứ tự ưu tiên* của các mục tiêu trên Trái Đất sẽ được chụp hình bằng vệ tinh. *Weight* được đánh số từ ưu tiên cao nhất đến ưu tiên thấp nhất, là 0, 1, ..., 99.

#### *bá hộ*

- Ngày xưa, chữ *bá hộ* dùng để chỉ một *chức quan nhỏ*, có nhiệm vụ trông nom một trấn nhà (*bá* = một trấn; *hở* = nhà).
- Dần dần, những người giàu có bỏ tiền ra mua chức quan ấy, và từ đó, chữ *bá hộ* có thêm nghĩa thứ hai, là *người giàu có*.

#### *kỹ lương*

- Nghĩa gốc của chữ *kỹ lương* là *tài năng* hay *khéo léo*.
- Ngày nay, chữ *kỹ lương* được dùng theo ý nghĩa *chú ý đến chi tiết nhỏ nhặt*.

Mục 7.1 *Ngôn ngữ từ thân xác* cho thấy Người Việt thường liên tưởng từ các bộ phận của thân xác, các hoạt động của thân xác, hay các kinh nghiệm thân xác, để tạo nên những chữ được dùng để chỉ những ý niệm trừu tượng. Điều đó có nghĩa là, Người Việt biến những chữ có ý nghĩa cụ thể thành những chữ có ý nghĩa trừu tượng.

Vài ví dụ.

#### *mù*

- *mù* có nghĩa là *mắt bị hư*, nên không nhìn thấy các sự vật.
- *mù* có nghĩa là mắt còn tốt, nhưng *không nhìn thấy* (*Có mắt không tròng*).
- *mù* có nghĩa là *không biết* (*mù chữ*).

#### *ăn*

- *ăn* là động tác *dùng miệng đưa thức ăn vào bao tử để* nuôi cơ thể (*ăn cơm*).
- *ăn* có nghĩa là *được hay thăng* (*Đội tuyển Đức ăn đội tuyển Hòa Lan 2-1*).
- *ăn* có nghĩa là *trội hơn*,  
*Nghè riêng ăn dứt hồn cầm một chương.*

Nguyễn Du

#### *què*

- *què* có nghĩa là *bị hư chân*.
- *què* có ý nghĩa là *thiếu sót* hay *không đầy đủ* (*Một câu què*).

#### *dánh*

- *dánh* có nghĩa là *đụng chạm vào thân thể của một người*, nhằm gây đau đớn hay gây thương tích cho người đó.
- *dánh* được dùng với ý nghĩa *làm một việc giù* (*dánh du, đánh chén, đánh vần . . .*)

#### *lòng*

- Cụ thể, Người Việt dùng chữ *lòng/bụng/dạ* để chỉ phần giữa của thân thể con người.
- Trừu tượng, Người Việt dùng chữ *lòng/bụng/dạ* để chỉ *nơi chứa tình cảm, cảm giác, tri giác*, hay *sự hiểu biết*.

Tây Phương cho rằng tình cảm của con người nằm trong *trái tim*; Người Việt cho rằng tình cảm nằm trong *lòng/bụng/dạ*. Tây Phương cho rằng *tri giác* hay *sự hiểu biết* nằm trong *khối óc*; Người Việt nói chúng cũng nằm trong *lòng/bụng/dạ*.

Trước khi tiếp xúc với Tây Phương, ngôn ngữ từ thân xác của Việt Nam không có chữ *tim* và *óc*, dùng theo ý nghĩa trừu tượng. Ngày nay, Người Việt có thể dùng các chữ *lòng/bụng/dạ* hoặc *tim* và *óc*, để chỉ những ý niệm trừu tượng

Các ví dụ trên cho thấy, con người không dễ dàng nghĩ ra hay tưởng tượng ra chữ nghĩa hay tên gọi mới cho các vật chất hay ý niệm mới. Do đó, bằng sự liên tưởng, người ta phải chồng chất thêm nhiều ý nghĩa mới, cho những chữ có sẵn.

Khi cần đặt chữ mới, để cho dễ hiểu, người ta dùng sự liên tưởng để tìm những chữ có dính dáng ý nghĩa với những chữ có sẵn, hoặc lấy chữ có sẵn và cho thêm một nghĩa mới. Tuy nhiên, đó không phải là điều kiện bắt buộc. Con người phải thoát đi, để đặt ra những chữ mới hẳn, như vậy chữ nghĩa sẽ không lâm vào cảnh khan hiếm và bế tắc.

Đặt ra chữ mới cho các ý *niệm mới* thì tương đối khó, vì cần có sự liên tưởng từ ý nghĩa này đến ý nghĩa khác, có sẵn. Tuy nhiên, đặt ra chữ mới cho các vật *chất* thì có thể dùng bất kỳ chữ mới nào, và chỉ cần định nghĩa cho rõ ràng, thế là đủ. Chẳng hạn, nếu trước đây, người ta không dùng chữ *máy điện toán* hay *máy vi tính*, mà dùng chữ *kiệc* (một chữ bị bỏ hoang), chẳng hạn, để chỉ cái mà Người Mỹ gọi là *computer*, ngày nay, khi nói cái *kiệc*, ai cũng hiểu đó là *computer*. Dân gian Miền Bắc nói *dạ dày*; dân gian Miền Nam nói *bao tử*. Dùng chữ gì cũng được, miễn sao tất cả mọi người đều hiểu đó là *cơ quan chứa và tiêu hóa thức ăn* của các loài động vật.

Khi đưa ra một chữ mới để chỉ một vật *chất*, người ta chỉ cần quy ước cho nó một ý nghĩa cố định, tức là cho nó một định nghĩa rõ ràng, và từ đó về sau, mọi người đều hiểu chữ ấy có ý nghĩa *như vậy như vậy* . . .

Khi đưa ra một chữ mới để chỉ một ý *niệm* hay ý *tưởng*, như trong triết học, nghệ thuật, hay khoa học, người ta thường phải dùng ngôn ngữ thường nghiệm để viết thành một chương, hay một quyển sách, để cho biết ý nghĩa của chữ chỉ ý *niệm* hay ý *tưởng* ấy. Cách cắc nghĩa một chữ chỉ một ý *niệm* hay ý *tưởng* dài hơn cách định nghĩa một chữ chỉ một vật *chất*.

Chẳng hạn, để định nghĩa chữ *cái chén*, một vật chất, người ta chỉ cần viết vài chữ. Để cắc nghĩa chữ *deconstruction*, một ý niệm, Jacques Derrida đã phải viết hẳn một paper (bản văn nghiên cứu) dài. Ngôn ngữ thường nghiệm có giới hạn của nó; ngay cả một paper dài cũng không hẳn đã làm cho tất cả mọi người đọc hiểu thật đúng ý tưởng của tác giả.

Ngắn, hay dài, hay thật dài, tất cả đều là cách để quy ước ý nghĩa cho một chữ mới. Ngay cả khi ngôn ngữ tỏ ra bất lực, nghĩa là ngôn ngữ không có khả năng để định nghĩa những ý *niệm đầu* (prime notion/ notion première), người ta vẫn có thể dùng ngôn ngữ để dẫn trực giác của con người đến ý nghĩa của một ý niệm. Chẳng hạn, trong toán học, có những ý niệm không định nghĩa được (undefined), như *điểm* (*point*), *đường* (*line*), *nằm trên* (*on*) . . . nhưng người ta cũng có cách diễn tả để con người hiểu ngầm với nhau bằng trực giác.

*Chữ quốc ngữ, với trữ lượng rất lớn, hầu hết là chữ chè, sẵn sàng để được Người Việt lấy ra để gọi tên những ý niệm mới và vật chất mới. Nhứt là để gọi tên những vật chất mới, mà sự liên tưởng là không cần thiết, nghĩa là khác với trường hợp chữ nghĩa dùng để gọi tên những ý niệm hay ý tưởng mới.*

## Ghi lại

### Nguồn gốc Chữ Nôm

Trước khi có chữ quốc ngữ, Chữ Nôm là chữ viết riêng đầu tiên của Người Việt.

Chữ Nôm là Chữ Hán biến thể, để ghi âm tiếng nói của Người Việt. Chữ Nôm cho thấy cỗ găng của cha ông để thoát khỏi lệ thuộc vào Chữ Hán. Hơn nữa, cái bất tiện của Chữ Hán là, Chữ Hán có cấu trúc ngược với cấu trúc của Tiếng Việt. Ngày xưa, Người Việt đọc các tác phẩm của Chữ Nôm, như *Truyện Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Lục Vân Tiên* . . . và *thơ Nôm*, giống như ngày nay chúng ta đọc các tác phẩm này bằng chữ quốc ngữ, vì Chữ Nôm và chữ quốc ngữ đều là loại chữ ghi âm, và theo cấu trúc Việt.

Không có sử liệu chính xác về nguồn gốc Chữ Nôm. Có hai giả thuyết sau đây.

#### 1

##### Thế Kỷ 2, buổi bình minh của Chữ Nôm

Cuối đời Hán Linh Đế ở Thế Kỷ 2, một số Người Tàu từ Phương Bắc sang ty nạn tại Giao Chỉ – một tên gọi ngày xưa của Việt Nam – được Sĩ Nhiếp ủng hộ trong việc dùng Chữ Hán phiên âm Tiếng Việt, để truyền bá tư tưởng Hán học. Tiếp theo, mỗi thời đại, tùy nhu cầu, Người Việt dùng sáng kiến riêng của mình đặt thêm nhiều chữ mới. Lâu ngày, số Chữ Hán biến thể để ghi âm tiếng nói của Người Việt tăng lên nhiều, và làm thành thứ chữ mới, gọi là *Chữ Nôm*.

Theo giả thuyết này, Chữ Nôm bắt đầu có mặt từ Thế Kỷ 2, vào thời kỳ Việt Nam lệ thuộc vào Nước Tàu, dưới quyền cai trị của Sĩ Nhiếp. Có thể nói, đó là buổi bình minh của Chữ Nôm.

#### 2

##### Thế Kỷ 13, Người Việt bắt đầu dùng Chữ Nôm

Theo quyển Hải Đông Chí Lược của Ngô Thời Nhậm, “*Nguyễn Thuyên* thích làm thơ phú bằng Tiếng Nôm; một số thơ phú ở nước ta làm bằng Tiếng Nôm bắt đầu từ đấy.” Theo Lê Quý Đôn, thơ Chữ Nôm của Nguyễn Thuyên được chép chung với thơ Chữ Hán trong *Phi Sa Tập*, đến nay không tìm thấy.

Về bài văn *Duổi Cá Sấu* thường được nhắc đến là của Nguyễn Thuyên, sử sách không nói rõ thuộc thể văn nào, và được viết bằng Chữ Hán hay Chữ Nôm. Như vậy, không thể nói quả quyết bài văn *Duổi Cá Sấu* của Hàn Thuyên – một tên khác của Nguyễn Thuyên – đã được viết bằng Chữ Nôm. Chỉ khi nào tìm được bản gốc của bài văn này, thì vấn đề mới sáng tỏ.

Điều có thể nói, là Chữ Nôm phát triển đầy đủ từ sau Thế Kỷ 13. Bởi đó, dân tộc Việt Nam mới có *Văn Học Chữ Nôm*, với những tác phẩm đặc sắc của nền văn học ấy.

**Ghi lại**  
**Thời Mở Đường**  
**của Văn Xuôi**  
**viết bằng chữ quốc ngữ**

Để tưởng nhớ những cha anh đã đi những bước mở đường cho văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ, chúng ta có thể đọc lại vài đoạn văn viết vào cuối Thế Kỷ 19 và nửa đầu Thế Kỷ 20.

Văn xuôi ngày nay không còn giống với văn xuôi ngày xưa. Đó là một điều bình thường, vì ngôn ngữ phát triển, tiến hóa, và hoàn thiện theo thời gian. Người đọc có thể xem đây là tài liệu lịch sử quý giá, về mặt nghiên cứu chữ nghĩa, vào buổi đầu của nền Văn Học Chữ Quốc Ngữ. Cha anh đi mở đường, để chúng ta có ngày hôm nay.

**1**

*Trước hết vô Hoàng thành cũ. Lọt khỏi ngũ môn lâu, lên đến Kinh thiên. Đến ấy nền cao lăm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cung đá lộn đầu xuống. Cột đèn lớn trót ôm, tính những là gỗ lim<sup>(1)</sup> cả. Ngó ra dãng sau còn thấy một hai cung điện cũ chõ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệ còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ môn lâu, thăng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên tới chót vót . . .*

*Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trống giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết lập ra thì người ta nói mờ ơ, không biết lấy đâu làm chắc cho mấy, cứ sách sử ký và Đại nam nhất thống chí, thì chùa ông thánh đồng đèn kêu là Trần Võ quan tự, ở về huyện Vĩnh thuận, phường Đoàn thương đài nhà Lê, năm Vĩnh trị năm Chánh hòa, vua Hi tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đèn cao 8 thước 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vẩn quanh theo vỏ gươm . . . Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh thuận, làng Thanh bửu ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trưng, yên viên chừng chín thước, trên đầu có cái miếu ngồi chồng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngọc lên. Sứ chép rằng: Thuở xưa vua Lý Thái Tông năm chiêm bao thấy Phật Quan âm ngồi tòa sen, đặc<sup>(2)</sup> vua lên dài. Tỉnh dậy học lại với quần thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thị thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, dặng cho các thầy tụng kinh mà cầu diện thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời Lý Nhân Tông sửa lại, bồi bổ, lập tháp, đào ao, xây thành làm cầu tế tự, hễ tháng tư mồng tám vua ngự ra đó kỳ yên.*

Trương Vĩnh Ký. Voyage au Tonkin en 1876. Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi (1876).  
 Saigon: Guilland et Matignon, 1881

(1) gỗ lim,

(2) dài

**2**

*Thuở xưa vua Nghiêng muốn truyền ngôi cho Hứa Do, bèn đòi Hứa Do tới mà dặn rằng: Trẫm nghe ngươi có tài đức lớn trẫm muốn truyền ngôi cho ngươi, ngươi phải nối ngôi cho trẫm mà làm vua thiên hạ". Hứa Do nghe nói, tức cười, vội vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy, có người Sào Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa Do đang lùm khum rửa tai, hỏi Hứa Do làm sao mà rửa tai. Hứa Do lắc đầu nói: "Ông Nghiêng đòi tôi, biểu tôi thì làm vua". Sào Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa Do hỏi, "làm sao anh lại đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống?" Sào Phủ rằng: "Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm". Sào Phủ lại rằng: 'Anh đi đâu cho người ta biết ai mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh lợi".*

*Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe.*

Huỳnh Tịnh Của. *Chuyện giải buồn* (cuốn trước, 1880, và cuốn sau, 1885)

**3**

*Ai xuống Bà Rịa, mà có đi qua đất Thánh ở trong Cát tại làng Phước Lễ, thì tôi xin bước vô đất thánh ấy, kiém cái mồ có cây thánh giá bằng ván, sơn nửa đen nửa trắng, gần một bên nhà thờ những kẻ Tả đạo mà thăm mồ ấy kéo tội nghiệp! Vì đã hai năm nay không ai thăm viếng, không ai màng ngó tới.*

*Mồ đó là mồ một thầy đã chịu lương tâm mình cắn rút đã mười năm, bây giờ mới đặng năm an nơi ấy.*

*Tôi xin phép thuật lại truyện tôi đã gặp thầy ấy và làm sao thầy ấy đã tóm chuyện mình ra cùng tôi, như sau này.*

Nguyễn Trọng Quán. *Thầy Lazarô Phiên.*

Sài Gòn: nhà xuất bản J. Linage, 1887

Đoạn mở đầu

**4**

*Tôi vô nhà thấy bạn tôi<sup>(1)</sup> đang bắc<sup>(2)</sup> một cái siêu trên bếp, thì tôi hỏi rằng: "Mình sắc gì đó vậy?" Bạn tôi trả lời rằng: "Ba bốn bữa rày nó bắt tôi ho dữ quá, cho nên khan tiếng; tôi sắc thứ lá nguyệt bạch với chanh uống coi có hết chăng?"*

*Tôi làm thính không nói gì, cứ cúi xuống mà ngó cái siêu luôn; tôi ngó cái siêu, thì thấy cái nắp nó nhảy lên nhảy xuống đường như muốn mời tôi bỏ nắp siêu bỏ nắp ấy vô."*

(1) Thầy Lazarô Phiên gọi vợ mình là "Bạn tôi."

(2) bắc

Nguyễn Trọng Quán. *Thầy Lazarô Phiên.*

Sài Gòn: nhà xuất bản J. Linage, 1887

Một đoạn đối thoại trong truyện

## 5

*Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh; đường đá cùi dâu cùi khoai trồi ra chốn nhốn.*

*Tôi đứng cửa trông, thấy có một người già gò yếu đuối, cố công dùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chông chát hai bồ nghe chừng đã nặng; lại còn một mụ vắt véo ngực ở trong xe. Người kéo đà chẳng nổi, mà mụ thì mỉa mai nặng lời xỉ vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thưa: “Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy; bà thuê xe khác.” – Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ hôi tăm tắp. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc . . . Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà rằng: “Chứ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già nua tuổi tác, yếu đuối thế này mà phải đi kéo xe vất vả?”*

*Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ mờ, hình như ruột nhăn, nước chảy chữa chan, mà chung quanh vành thì đỏ ửng.*

*Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập ngừng, thì tôi lại hỏi:*

*– Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì sao cụ lại đi kéo xe? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi; xin cụ nói cho tôi nghe.*

*Ông lão nói rằng:*

*– Thưa cậu, tôi ở tỉnh Sơn La. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt lội, dê điêu vỡ lở, chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ nhỏ ốm đau, sài ghè; vợ nó phải ở nhà trông nom để tôi xuống Hà Nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy dăm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu ạ. Tôi ngoại sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi . . .” – Miệng ông lão nói, hai mắt mờ mờ, vẫn cứ nhìn tôi. Tôi thương, úa hai hàng nước mắt ra anh ạ . . .*

*Trời ơi! sao mà lại có cái khổ cực đường này, hỡ ông trời xanh cao ngất? . . .*

Phạm Duy Tốn. “Bực mình.” *Đông Dương Tạp Chí*, số 55

## 6

*Trời hâng hảng rạng đông, ba chiếc mành, đánh cánh ra cửa biển mênh mông, đêm sương lạnh lẽo, thủy thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó ở cái mành đi giữa, lờ mờ có một người ra đứng trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình: “Minh vốn sinh ở vùng đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào; sau lưu lạc được vào vương cung, lúc việc chục châu, khi đi chinh thảo, lúc đi khẩn hoang, nào cái cảnh hậu cung thượng uyển, mỹ lệ huy hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh điền gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông ca theo tiếng gió véo von quãng đồng vắng, cảnh nào mình cũng lịch duyệt qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nữa, thì cái trí tang bồng kia mới phỉ, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoảng ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiên nhiên nọ, phương chi lại được cái cửa bể Đại nha này là một*

cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam hải, cửa bể này lại thông với cửa bể Thần phù,

Lênh đênh qua cửa Thần phù,  
Khéo tu thì nỗi vụng tu thì chìm;  
nỗi chìm nhở đức cao xanh, ta đã đến đây, ta cứ xem ngắm cho sướng mắt thích tình.  
Nguyễn Trọng Thuật. "Quả dưa đỗ." *Nam Phong Tạp Chí*, số 101 Tháng Tư 1926

## 7

*Than ôi! Vào rừng báu ngọc mà thảng tay ra không, lăng khúc nghê thường mà lấp tay như cũ, há không phải tội tại chúng ta hay sao?*

*Bỉ nhân thường có ý vét túi đổ rương, chứa năm lũy tháng, mong biên nén một bộ Hán Việt từ lâm. Nhưng khổ vì học ít tài hèn, lòng giàu mà sức nghèo, nên nỗi ngày lần tháng lửa, tưởng bánh nhện thèm.*

*May mắn thay! Gần đây gặp được người bạn thanh niên là ông Đào Duy Anh vừa biên thành bộ Hán Việt từ điển, toan cống hiến đồng bào, bỉ nhân được tin mừng khuống, gấp tìm cảo đọc xem, thấy chú thích tinh tường, phẫu giải minh bạch, tóm lặt hết từ ngữ thuộc về Hán văn, mà Việt văn cần phải dùng đến, c恭敬 hơn bốn vạn điều.*

*Mới mẻ thay! Quý hóa thay! Khổ tâm nghị lực như Đào quân! Cái việc bỉ nhân muốn làm mà Đào quân làm trước mắt! Người xưa có câu: "thực hoạch ngã tâm", thiệt có như thế!*

*Rày mai quyển sách ấy xuất bản lưu hành, chắc ở trên vũng dài Quốc văn lại thêm vô số đặc sắc mới, há chẳng phải một việc đáng mừng cho học giới ta sao?*

*Bỉ nhân thấy cõi ăn ngon, quá mừng sinh dạn, xin viết mấy chữ ở đầu sách, anh em bốn bể hẳn cũng nhiều người đồng ý với bỉ nhân.*

*Nay kính dê*

*Huế, ngày 1 tháng 3 năm 1931*

Hãn Mạn Tử (Phan Bội Châu). "Đề Từ quyển Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh." 1931

### Ghi lại

Cảm tưởng của dân gian

vào buổi đầu

của chữ quốc ngữ

Trong buổi đầu của chữ quốc ngữ, một số nhà nho luyến tiếc cái học Chữ Hán, bỡ ngỡ và tỏ ý nghi ngờ về thứ chữ mới.

*Nghe nói khoa này sắp đổi thi*

*Các thầy đồ cỗ đỗ mau đi*

*Dẫu không bia đá còn bia miệng*

*Vứt bút lông đi giặt bút chì.*

Tú Xương

*Ông có đi thi ký lục không?*

*Nghe ông quốc ngữ đọc chưa thông*

*Ví dù nhà nước cho ông đỗ*

*Mỗi tháng lương ông được mấy đồng?*

Tú Xương

*Mợ bảo vẫn Tây chẳng khó gì!*

*Cho tiền đi học để chờ thi*

*Thôi thôi lạy mợ “xanh cảng” lạy*

*Mã tổ tôi không táng bút chì!*

Tú Xương

“xanh cảng” = cinquante, Chữ Pháp, có nghĩa là *năm mươi*.

*Ba kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa*

*Á ó u ơ ngọt bút chì!*

Tú Xương

kỳ nữa = kỳ thứ tư thi chữ quốc ngữ;

Á ó u ơ = Ă Â U Ô, bốn chữ cái của chữ quốc ngữ.

Tuy nhiên, phần đông dân gian nô nức đón mừng sự ra đời của chữ quốc ngữ, và đua nhau đi học chữ quốc ngữ. Vì chữ quốc ngữ dễ học, và học rất nhanh, từ đó, việc học chữ không còn là việc của một số rất ít người, như thuở Hán Nôm. Trẻ già trai gái đều có thể đi học chữ quốc ngữ. Đó là điều không thấy vào thuở Hán Nôm.

*Rũ nhau đi học i o*

*Mỗi ngày một chữ con bò cũng thông.*

Ca dao

*Ta học quốc ngữ cho thông  
Kéo mà hổ thẹn cùng chồng, ai ơi!*  
Ca dao

*Con gà tối mã vì lông  
Răng đen vì thuốc rượu nồng vì men  
Ở đời muốn được tiếng khen  
I tờ đi học đua chen với người.*  
Ca dao

*Hôm qua anh đến chơi nhà  
Thấy mẹ dệt vải thấy cha đi bừa  
Thấy nàng mãi miết xe tơ  
Thấy cháu i tờ ngồi học bi bô.*  
Ca dao

*O tròn như quả trứng gà  
Ô đội nón chớp ơ già thêm râu  
I tờ hai cái móc câu  
I ngắn có chấm tờ dài có ngang.*  
Ca dao

*Cô kia vừa đẹp vừa giòn  
Cô không biết chữ cô còn lấy ai?*  
Ca dao

*Cô kia má đở môi hồng  
Cô không biết chữ nên chồng cô chê.*  
Ca dao

*Bầy con dứa dắt dứa bông  
Mà em vẫn học vỡ lòng như ai.*  
Ca dao

*Ai về chợ huyện Thanh Vân  
Hỏi thăm cô tú đánh vẫn được chưa.  
– Đánh vẫn năm ngoái năm xưa  
Năm nay quên hết như chưa đánh vẫn.*  
Ca dao

**Có thể nói, chữ quốc ngữ mang lại sức sống mới cho dân tộc Việt Nam.**

## 8.9 Nếu không có chữ quốc ngữ

1

### Chữ Nôm

Không có chữ viết, dân tộc Việt Nam phải mượn Chữ Hán của Tàu, để học hành, viết sách, và dùng trong việc quản trị hành chánh.

Ngoài cách phát âm xa lạ với Tiếng Việt, *Tiếng Hán có cấu trúc ngược với cấu trúc của Tiếng Việt*. Đó là trở ngại lớn nhất trong việc mượn Chữ Hán của Tàu. Và, đó cũng là lý do để dân tộc Việt Nam cố gắng nghiên cứu trong nhiều thế kỷ, để đến Thế Kỷ 13 thì Người Việt có được **Chữ Nôm**, một biến thể của Chữ Hán. Từ Chữ Hán, là loại chữ biểu ý, Người Việt đã dùng cách ghép chữ, hoặc ghép bộ, để thành Chữ Nôm, là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt. Ngày xưa, Người Việt viết và đọc Chữ Nôm cũng giống như ngày nay, chúng ta viết và đọc chữ quốc ngữ. Nghĩa là, Chữ Nôm được viết và đọc theo đúng cách phát âm và cấu trúc của Tiếng Việt.

Việc sáng tạo Chữ Nôm vừa là nhu cầu về chữ viết riêng của Việt Nam, vừa là biểu lộ ý chí thoát khỏi lệ thuộc vào Chữ Hán. Tuy nhiên, chỉ có một số rất ít trong lớp người có học, là các sĩ phu, dùng Chữ Nôm. Số đông sĩ phu đương thời đã coi rẻ Chữ Nôm:

*"Nôm na là cha mách qué."*

Trước khi có Chữ Nôm, có thể nói, các tác phẩm viết bằng Chữ Hán không đáng kể, và chưa tạo thành một nền văn học của dân tộc Việt Nam. Tuy chỉ được một số ít sĩ phu dùng, Chữ Nôm đã tạo nên nền văn học cổ điển của Việt Nam, với một số tác phẩm nổi tiếng, như *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên* và các tác phẩm không có tên người viết, như *Nữ tú tài*, *Nhị đê mai*, *Bần nữ thán* . . . và khá nhiều thơ cổ điển của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương . . .

Nói khác đi, nếu không có Chữ Nôm, văn học cổ điển Việt Nam không thể phát triển. Ngày nay, các tác phẩm của văn học cổ điển có thể được coi như một viện bảo tàng của ngôn ngữ Việt Nam. Các tác phẩm cổ điển, đặc biệt là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, và *ca dao*, thể hiện đầy đủ các đặc tính của ngôn ngữ Việt Nam. Ngày nay, đọc các tác phẩm cổ điển, Người Việt có thể tìm thấy lại một số Chữ Việt xưa của cha ông, mà ngày nay không còn được dùng nữa.

## 2 Chữ quốc ngữ

Chữ Nôm và chữ quốc ngữ đều là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt. Khi viết, hai loại chữ này cũng đều được viết theo cấu trúc của Tiếng Việt.

Tuy nhiên, chữ quốc ngữ có 3 ưu điểm so với Chữ Nôm.

### (1) Chữ quốc ngữ diễn tả tinh tế cách phát âm của Người Việt

Cách phát âm Tiếng Việt của dân gian Miền Bắc là chuẩn và tinh tế nhất trong ba miền. Và chữ quốc ngữ, được sáng tạo bởi các giáo sĩ Âu Châu mà ngôn ngữ đa âm của họ được phát âm rất tinh tế, đã được nghiên cứu kỹ lưỡng để diễn tả tinh tế cách phát âm của Tiếng Việt.

Ví dụ

Viết khác nhau	Phát âm khác nhau			
c ≠ k	ca hát	(nhẹ)	≠ kĩ thuật	(nặng)
o ≠ ô	hoc	(nhẹ)	≠ hộc	(nặng)
i ≠ y	thúi	(ngắn và nhẹ)	≠ thủy	(kéo dài và nặng)
t ≠ c	cát	(ngắn và nhẹ)	≠ các	(dài và nặng)
n ≠ ng	tan	(ngắn và nhẹ)	≠ tang	(dài và nặng)
ui ≠ uôi	cúi	(ngắn)	≠ cuối	(dài)
dáu hỏi ≠ dáu ngā	tả	(ngắn)	≠ tā	(kéo dài)

Cách viết của Chữ Nôm không cho thấy cách phát âm tinh tế của Tiếng Việt.

### (2) Chữ quốc ngữ dễ học hơn Chữ Nôm

Muốn học Chữ Nôm, trước hết, phải học một số khá lớn những chữ căn bản của Chữ Hán, vì Chữ Nôm là biến thể của Chữ Hán. Ít nhất, phải học khoảng 3,000 Chữ Hán cho biết đọc, biết viết, và biết nghĩa.

Để giúp học trò ngày xưa, Ngô Thời Nhậm có viết quyển *Tam thiên tự giải âm* để học trò học thuộc lòng ý nghĩa của 3,000 Chữ Hán căn bản.

Người Việt phải tốn nhiều năm để biết viết và đọc Chữ Nôm. Trong khi đó, Người Việt có thể học thằng chữ quốc ngữ, nghĩa là, không cần phải vòng qua Chữ Hán. Chữ quốc ngữ có nguyên tắc cấu tạo rất chắc chắn, nên dễ nhớ, dễ viết, và dễ đọc. Để biết viết và biết đọc chữ quốc ngữ, Người Việt chỉ cần học trong vòng 6 tháng.

### (3) Chữ quốc ngữ là một ngôn ngữ mở

Nguyên tắc cấu tạo rất đặc chẽ, chữ quốc ngữ có đặc tính của một *ngôn ngữ mở* (*open language*) hay *ngôn ngữ mềm* (*soft language*). Nghĩa là, Người Việt có thể mở rộng trữ lượng của chữ quốc ngữ một cách dễ dàng, khi cần, bằng cách tăng thêm các âm gốc mới, hay các phụ âm mới. Từ đó, Người Việt sẽ có một số lượng *chữ chè* rất lớn, sẵn sàng lấy ra dùng, để gọi tên những vật chất mới hay những ý niệm mới, theo đà tăng rất nhanh của tri thức của con người.

Đó là đặc tính mà Chữ Nôm không có.

## 3

### Nếu không có chữ quốc ngữ

Thời Pháp thuộc, buổi đầu, Việt Nam vẫn dùng Chữ Hán và Chữ Nôm. Về sau, Người Pháp lập ra các trường học dạy bằng Tiếng Pháp; từ đó, số người biết Tiếng Pháp ngày càng nhiều, nhiều hơn số người biết Hán, Nôm.

Giả sử không có chữ quốc ngữ, và giả sử Người Pháp không ép buộc Việt Nam bãi bỏ các khoa thi bằng Chữ Hán, vào lúc Người Việt đã nhìn qua khỏi Nước Tàu, và thấy Trái Đất Lớn Rộng Của Con Người, Việt Nam sẽ đứng trước chọn lựa: tiếp tục dùng Hán Nôm làm chuyển ngữ, hay dùng Tiếng Pháp làm chuyển ngữ?

Câu trả lời gần đúng là, xuôi dòng lịch sử, Người Việt sẽ chọn Tiếng Pháp làm chuyển ngữ, bởi các lý do sau đây:

- *Vào thời buổi đó, thế lực không nằm trong tay vua chúa và các sỹ phu, mà nằm trong tay lớp người Tây học, chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, và ảnh hưởng của nền văn minh Tây Phương, nói chung.*
- *Lớp người trẻ, được đào tạo từ trường Pháp, nhận thấy học khoa học và kỹ thuật của Tây Phương là cần thiết, hơn là kéo dài cái học từ chương từ ngàn xưa, một cái học không sáng tạo, và xa lạ với nền văn minh khoa học.*

Nếu trường hợp chọn Tiếng Pháp làm chuyển ngữ đã xảy ra, Việt Nam ngày nay sẽ giống như một vài nước thuộc địa cũ của Pháp ở Phi Châu, hiện dùng Tiếng Pháp làm chuyển ngữ. Kết quả của sự lựa chọn này sẽ là, vì chữ viết và tiếng nói không tương ứng với nhau, Người Việt sẽ càng ngày càng nói Tiếng Pháp nhiều hơn tiếng mẹ đẻ. Đó là hiện tượng *học tiếng nào thì suy nghĩ trực tiếp bằng tiếng ấy*. Từ đó, Tiếng Việt chẳng những không phát triển, mà sẽ mai một theo thời gian, vì ít được dùng. Và biết đâu, rồi một ngày kia, Tiếng Việt sẽ trở thành “cổ ngữ,” nghĩa là một ngôn ngữ chết của dân tộc Việt Nam.

**Chữ quốc ngữ có mặt kịp thời**, và nó đã gánh vác những nhiệm vụ lịch sử quan trọng đối với dân tộc Việt Nam, như sau.

- *Chữ quốc ngữ đã đưa Văn Học Hán Nôm rời khỏi các thư phòng nhỏ bé, để ra ngoài dân gian, sau khi các tác phẩm của nền văn học này được phiên âm ra chữ quốc ngữ. Dân gian được thưởng thức các tác phẩm cổ điển bằng chữ quốc ngữ, chứ không phải bằng Chữ Nôm, vì số người biết Hán, Nôm không đáng kể.*
- *Chữ quốc ngữ, dễ học và dễ viết, trong nửa sau của Thế Kỷ 20, đã giúp cho nền giáo dục tiểu học và trung học của Việt Nam tiến bằng đôi hia bảy dặm, đó là điều mà thời kỳ Hán Nôm đã không làm được.*
- *Chữ quốc ngữ đã nhanh chóng đưa Việt Nam lên hàng những nước có tỷ lệ người mù chữ vào hàng thấp trên thế giới, 6%, tuy Việt Nam ngày nay vẫn còn là một đất nước nghèo nàn và lạc hậu. Nếu không có chữ quốc ngữ, dùi Người Việt đã chọn Chữ Nôm hay Chữ Pháp làm chuyển ngữ, tỷ lệ người mù chữ của Việt Nam hôm nay không thể là 6%.*

Theo *The Time Almanac 2000*,

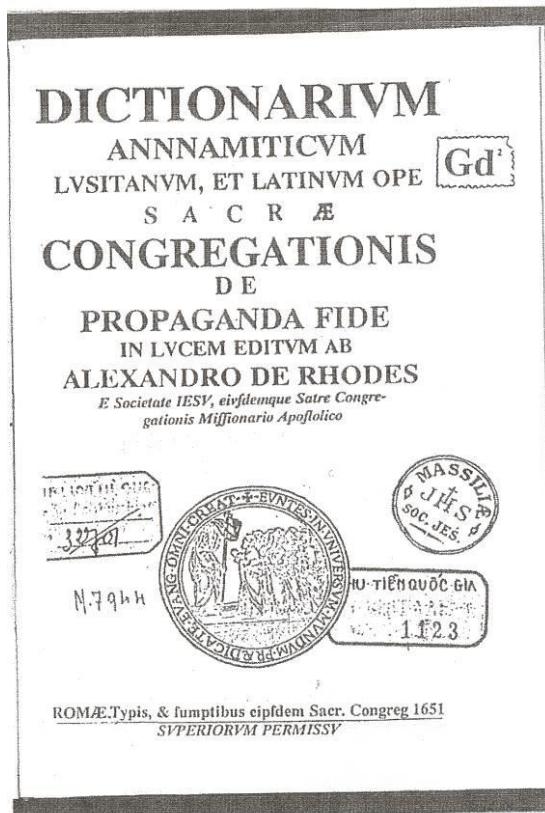
Nước	Mù chữ (%)		
Úc (Australia)	0	Singapore	10
New Zealand	1	Brazil	11
Pháp (France)	1	Mexico	13
Đức (Germany)	1	Peru	15
Thụy Điển (Sweden)	1	Trung Quốc (China)	16
Canada	1	Nam Dương (Indonesia)	16
Nhật (Japan)	1	Hongkong	19
Nga (Russia)	2	Miến Điện (Myanmar)	19
Ba Lan (Poland)	2	Mã Lai (Malaysia)	22
Hungary	2	Nam Phi (South Africa)	24
Nam Hàn (South Korea)	2	Cam Bốt (Cambodia)	31
Mỹ (United States)	3	Iraq	40
Ý (Italia)	3	Algeria	43
Tây Ban Nha (Spain)	5	Ấn Độ (India)	48
Phi Luật Tân (Philipines)	5	Maroc	50
<b>Việt Nam</b>	<b>6</b>	Ai Cập (Egypt)	52
Hy Lạp (Greece)	7	Lào (Laos)	55
Do Thái (Israel)	8	Pakistan	65
Đài Loan (Taiwan)	8	Afghanistan	71
.....			

*Sáng tạo chữ viết riêng cho một dân tộc, đó không phải là một việc dễ dàng; công trình này phải được gọi là kỳ công hiếm có, của một nhóm giáo sĩ đến từ Âu Châu. Có thể nói, chữ quốc ngữ là cái may mắn ngàn năm một thuở của dân tộc Việt Nam.*

***Người Việt đừng quên rằng, chữ quốc ngữ không phải từ trên trời rơi xuống.***

**Nhìn lại  
công lao  
khai phá  
và  
sáng tạo  
của  
người xưa**

Quyển tự điển đầu tiên  
viết bằng chữ quốc ngữ  
của Alexandre de Rhodes,  
in tại Rome, 1651.



165

D

D

166

nén děäm: *criar callos: cal-  
los ooducere.*

děäm: *cair borrão ef-  
creuendo : litura , x. chū  
děäni dit: letra muito borra-  
da : lituris plena feriptu-  
ra.*

děän, vide đàn.

děän hõ: *grude pera pegar  
algúa coufa : gluten, inis .  
děän g'ey : pegar papel como*

děao got:naualba , noua-  
cula, x.

děao nẽ thâ: *lanceta de  
sangrar: fealpium,i.*

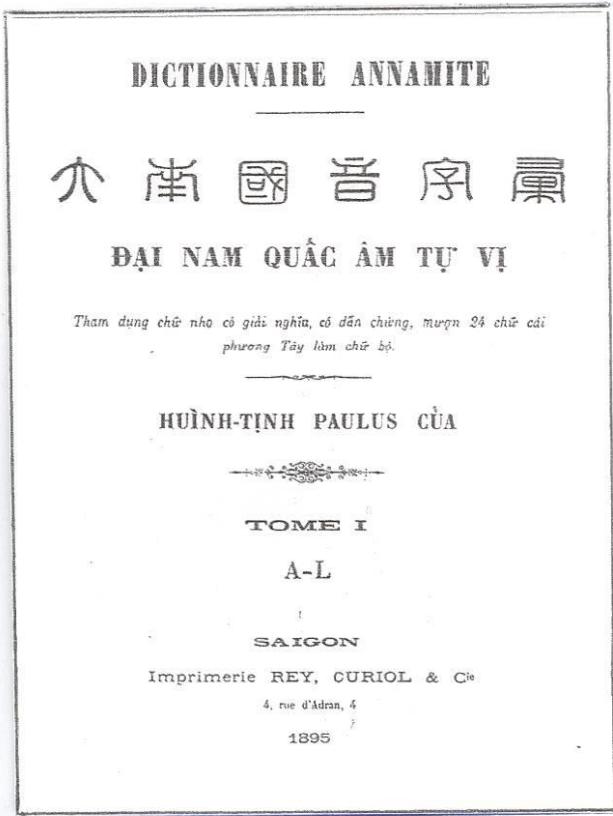
děao đி děao lại: *andar  
as voltas: ambalare in cir-  
cuitu.alij, đao.*

děáp, vide dáp.

děát: *leuar com a mão:đu-  
cere manu .*

děát ngựa: *leuano caual-*

Quyển tự điển  
Hán-Nôm-Quốc Ngữ  
của Huỳnh Tịnh Của,  
in tại Saigon, 1895.



## T

**瞧** Ta. c. Than thở, thán oán.

— thán. id.

**答** | Tu —. id.

Ai, ta hổ! Tiếng than dài.

**些** Ta. n. Minh, min, chúng min, (tiếng kè  
lớn xung minh).

*Người* —. Tiếng xung trong nhiều người.  
*Chúng* —. Bạn mình.

*Trai* —. { Người ày, anh ày, (tiếng bằng  
*Chàng* —. } hữu gọi nhau.  
*Anh* —. id.

*Ba* —. Ba anh em mình.

*Hai* —. Hai anh em mình.

— *tiểu*. (Chính chử). Nhỏ mọn, chút đỉnh :  
chuyện ta *tiểu*, thì là chuyện nhỏ  
mọn; vật ta *tiểu*, thì là vật hèn mọn.

**担** Tạ. n. Cân đòn lớn, dịch một trăm cân  
nhỏ, nòi 42 quan tiền kẽm, 61 kilo Tày.

*Cân* —. id.

*Bao* —. Bao lớn, bao đựng một trăm cân.

**榭** Tạ. c. Nhà trống, nhà không vách.

**臺** | Đài —. Cái tháp.

**涼** | Lương —. Nhà tắm, nhà mát.

*Thủy* —. id.

**藉** Tạ. c. Nhờ, mượn.

— *thè*. Lậy thè.

— *sợ*. Mượn lậy cở gi.

**狼** | Lang —. Vây vò, chung cha.

**縕** | Huẩn —. Học hành nhiều, thuộc  
biết nhiều.

## MỘT TÀI LIỆU LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

<www.gio-o.com> 01/16/2008

Tờ nhật báo Tiếng Dội số 462 \*, năm thứ 3, đề ngày Thứ Sáu 24 Aout 1951, Âm lịch 22 tháng Bảy (Thiều) năm Tân Mão, giá bán 1 đồng, của Chủ nhiệm Trần Chí Thành tự Trần Tấn Quốc, Tòa soạn, Quản lý 216 đ. Gia Long Saigon, có bài mang tựa đề "Việt Minh vận động cho Việt Nam làm chư hầu Trung Quốc", cho in nguyên văn một tờ truyền đơn do Trường Chinh ký như sau:

### ỦY BAN HÀNH CHÁNH KHÁNG CHIẾN VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA NĂM THỨ VII TỔNG THƯ KÝ ĐẢNG LAO ĐỘNG VN SỐ: 284/ LD ĐỘC LẬP TỰ DO HÀNH PHÚC

Hỡi đồng bào thân mến!

Tại sao lại nhận vào trong nước Việt Nam yêu mến của chúng ta, là **một nước biết bao lâu làm chư hầu cho Trung quốc**, cái thứ chữ kỳ quặc của bọn da trắng Tư Bản đem vào!

Tại sao ta lại truyền bá trong dân chúng từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, cách viết chữ dị ký của tên thực dân Alexandre de Rhodes đã đem qua xứ mình như thế ?

Không, đồng bào của ta nên loại hẳn cách viết theo lối âu tây ấy - một cách viết rõ ràng có mau thật đấy - và ta hãy trở về với thứ chữ của ông bà ta ngày trước, là thứ chữ nho của Trung Quốc.

Vả chăng, **người Trung Hoa, bạn của ta - mà có lẽ là thầy của chúng ta nữa, ta không hổ thẹn mà nhìn nhận như thế** - có phải là dân tộc văn minh trước nhất hoàn cầu không? Còn nói gì đến y khoa của Âu Mỹ: Chúng chỉ cắt, đục, khoét, nạo! Có thể thôi!

Hỡi đồng bào yêu mến! Chúng ta hãy gạt bỏ cách chữa bệnh của bọn Đế quốc phương Tây đem qua xứ ta!

Ta hãy bỏ nhà bảo sinh của chúng, bỏ bệnh viện của chúng, ta hãy dùng thuốc dán của ông cha ta để lại và nhất là dùng thuốc Tàu danh tiếng khắp cả hoàn cầu.

Ta hãy trở về phương pháp này, trước nữa để ủng hộ các bạn Trung Hoa, sau nữa để loại ra khỏi nước Việt Nam yêu mến của ta bao nhiêu những đồ nhập cảng thực dân như là khoa học, phát minh v.v. ...

Ta hãy quét sạch lũ "trí thức" đã xuất thân ở các trường Âu Mỹ, đế quốc và thực dân!

Chúc "Tổng phản công" và "Thi hành mọi phương pháp bài trừ thực dân".

**Trường Chinh**  
*Tổng thư ký đảng Lao Động*

\* Số báo Tiếng Dội này nằm trong Thư Viện tiếng Việt thuộc Bảo Tàng Viện Anh Quốc (British Museum - London).

▲ *Đọc tài liệu lịch sử trên đây, người ta có thể nhận ra con người thật của những kẻ nhũng kẻ gọi là “lãnh tụ” của Đảng Cộng Sản Việt Nam.*

*Trước hết, đó là những kẻ vô ơn, đối với những người Âu Châu đã sáng tạo chữ quốc ngữ cho dân tộc Việt Nam, một dân tộc chỉ có tiếng nói, nhưng không có chữ viết riêng.*

*Tiếp theo là, hôm nay, lớp người trẻ trong nước và đang lang thang trên khắp Trái Đất, được dịp biết trình độ văn hoá, và mắt không nhìn qua khỏi Vạn Lý Trường Thành, của những kẻ cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam.*

#### 4

### Chữ quốc ngữ, một phương tiện tự vệ của dân tộc Việt Nam

Suốt dòng lịch sử, Nước Tàu không lúc nào ngừng ôm mộng xâm chiếm và đồng hóa dân tộc Việt Nam. Ngày nay, đọc bài viết trên đây của một “lãnh tụ” của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đang thống trị dân tộc Việt Nam, và đang đi bằng hai cái đầu gối trước Cộng Sản Tàu, người ta có thể thấy Đảng Cộng Sản Việt Nam đã và đang từ từ dâng đất nước Việt Nam cho Tàu.

Cấu trúc của Tiếng Việt khác với cấu trúc của Tiếng Tàu, và, chữ quốc ngữ là loại chữ hoàn toàn riêng của Việt Nam, nghĩa là không dính dáng đến Chữ Hán và Chữ Nôm, đó là hai điều kiện tự vệ của dân tộc Việt Nam, trước mộng xâm chiếm và đồng hóa của Tàu.

Ngôn ngữ khác nhau, tiếng nói khác nhau, chữ viết khác nhau, tất cả các đặc tính này mãi mãi cho thấy, Tàu là Tàu, và Việt Nam là Việt Nam. Ngày xưa, cha ông chúng ta cũng đã từng xác định như vậy,

*Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.  
Lý Thường Kiệt*

*Non sông Nước Nam, Vua Nam ở  
Rõ ràng, sách trời đã định như vậy.*

### H ạ n g   t ừ   c h ố t – key terms/ termes clé

1	âm/ vần	syllable <i>syllabe</i>
2	âm gốc	main syllable <i>syllabe principale</i>
3	âm gốc có dấu	main syllable with tone mark <i>syllabe principale avec signe d'accentuation</i>
4	âm gốc chuẩn	main syllable of reference <i>syllabe principale de référence</i>
5	âm gốc mở rộng	extended main syllable <i>syllabe principale d'extension</i>
6	âm phối hợp	compound syllable <i>syllabe composée</i>
7	biến thể	variant <i>variant</i>
8	chuẩn	standard <i>standard</i>
9	chữ	word <i>mot</i>
10	chữ bị bỏ hoang	unused word <i>mot inutilisé</i>
11	chữ cái	letter [of the alphabet] <i>lettre [de l'alphabet]</i>
12	chữ chờ	word on potential meanings <i>mot en état virtuel de sens</i>
13	Chữ Hán	Chinese script <i>caractère chinois</i>
14	Chữ Hán Việt	Vietnamese transcription of Chinese script <i>transcription vietnamienne du caractère chinois</i>
15	Chữ Nôm	Chinese-derived script <i>caractère dérivé du caractère chinois</i>
16	chữ quốc ngữ	Romanized Vietnamese script <i>écriture vietnamienne romanisée</i>
17	chữ viết chính thức	official language <i>langue officielle</i>
18	dấu giọng	tone mark <i>signe d'accentuation</i>
19	Đàng Ngoài	North Vietnam <i>Vietnam du Nord</i>
20	Đàng Trong	South Vietnam <i>Vietnam du Sud</i>
21	Đạo Thiên Chúa La Mã	Roman Catholicism, Roman Catholic <i>Catholicisme romain</i>

22	định kiến	preconceived idea, prejudice <i>idée préconçue, préjudice</i>
23	đồng nhất	identical <i>identique</i>
24	gần giống nhau	similar <i>semblable</i>
25	giáo sĩ	missionary <i>missionnaire</i>
26	giọng	tone <i>ton, accent</i>
27	Hán hóa	Sinicize, Sinicized <i>siniser, sinisé</i>
28	nạn khan hiếm chữ	shortage of words <i>rareté de mots</i>
29	mù chữ	illiteracy, illiterate <i>analphabétisme, analphabète</i>
30	nguyên tắc cấu tạo	principle of formation <i>principe de formation</i>
31	phát âm	pronunciation <i>prononciation</i>
32	phiên âm	phonetic transcription <i>transcription phonétique</i>
33	quy ước	convention <i>convention</i>
34	trẻ hóa	to rejuvenate, rejuvenation <i>rajeunir, rajeunissement</i>
35	trữ lượng	reserve <i>réserve</i>
36	Vạn Lý Trường Thành	The Great Wall [of China] <i>La Grande Muraille [de la Chine]</i>
37	Việt hóa	Vietnamize, Vietnamized <i>vietnamiser, vietnamisé</i>